

Wason
PL 4380
A1 K45++

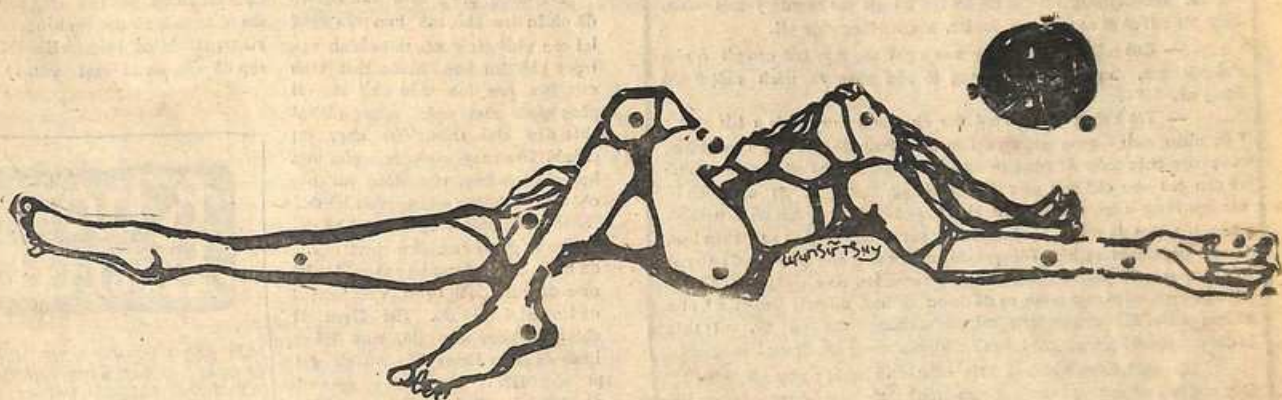
137

NĂM THỨ BA NGÀY 30/12/1971

Khởi Hành

TRẦN VĂN
VĂN ĐỌC NGHỆ THUẬT
RA NGÀY
THỨ CHU

Chủ nhiệm: ANH VIỆT TRẦN VĂN TRONG



HOÀNG ANH TUÂN

thơ cho c.k.h.

ĐẶNG ĐÌNH TÔNG

lồng chiếc

X

cái bóng

Đập vỡ hình bóng anh
Mới thấy em nguyên vẹn
Sôi sục mặt thủy hường
Anh còn trong xác kính.

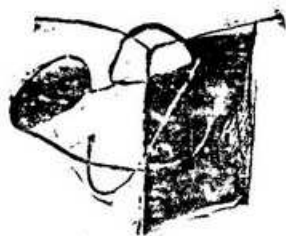
Giữa trưa nay ngồi quán
Một bàn một ghế im
Long lanh ly rượu ẩm
Nóng dùm chưa, con tim.

Trái tim xa quá lẽ
Ngực đời thì mỏng mệnh
Tim ơi tim, đập lệ —
Cho ta theo bóng mình
Ta ngồi không với ghế
Sao bóng vờn xung quanh.

NỤ CƯỜI
XƯ QUẢNG
nguyên vi bản

NGUY
NGŨ
KHI ĐÊM
CHƯA TAN





NGƯỜI VÀ VIỆC

nhá my

CHUYỆN ĐÀN BÀ

— Có nhiều bài bẽ bực tôi viết. Làm lạ tại sao tôi là con gái mà lại đi « nói chuyện » đàn bà mãi. Tôi xin đính chính là tôi không ghét đàn bà (đồng hội đồng thuyền với nhau cả), không nghĩ xấu về con gái cũng không tò mò đàn bà. Tôi chỉ « đề ý » tới một tí về đời sống con gái bây giờ thôi. Và những chuyện tôi đề ý đây là những chuyện có thật, nói có sách sách có chứng đáng hoàng xin các bà, các cô, các bạn gái đừng vội chê tôi hủ lậu bà già mà hãy đề ý một chút. Nếu tôi nói có gì oan ức hay sai lạc, xin vui lòng chịu tội.

— Chả hiểu ông bà ngày xưa nghĩ sao mà bắt con gái ở nhà thủ nội com, bảo gạo với hàng lỗ bôn phận và trách nhiệm quá nặng nề.

— Tôi không quá hẹp hòi như vậy. Làm như vậy là « bắt chết » « hạ nhân cách » quan niệm sai lầm thật. Phải để phụ nữ làm những công việc khác chứ. Ai cũng là người, đời lúc các bà cũng thông minh và còn chỉ hơn các ông nữa là khác. Bằng chứng là đã có nhiều bác học lừng danh thế giới kia kia. Phải để họ có cơ hội phát triển tài năng, bất chết là có tội, là vô tình làm mất đi những tinh anh nhân loại, là cản bước tiến xã hội. Tôi quá sốt ruột, không biết phụ nữ đã « tranh đấu » ra sao để phá bỏ gông xiềng và vươn lên như ngày nay. Tôi kể hậu sinh, may mắn sinh ra đã được đi học, được « làm việc » như những ai kia. Hết chứng kiến cái cảnh chồng vua vợ tớ, cái thân bị đất của người con gái thời xưa : « Những mong cho được làm người ».

Nhưng lại được chứng kiến một cảnh khác : phụ nữ làm việc. Đây xin đan cử một vài trường hợp trong các hoạt động của các bà. Mà tôi được biết, được thấy trong cái xã hội VN nhiều như vậy.

Trước hết là việc báo phụ nữ. (Nói là phụ nữ nhưng thật ra các ông đứng tên chủ nhiệm chủ bút tuy nhiên phải nói các bà viết).

Trong một bức thư chủ nhiệm chủ bút gì đó của một tuần báo phụ nữ, một bà đã viết, đại ý : « Người ta đã chê... (cái gì tên tờ báo) là của những ca ve, những bà buôn bán, gánh nước (...) Người ta quá hẹp hòi và thiên cận, tại sao họ không nghĩ chúng ta cũng là người, mà bắt cứ một người nào, làm nghề gì cũng có nhân cách cũng có quyền sống như ai... »

Tôi đọc xong cũng lấy làm cảm động và cảm phục cái can đảm của bà làm. Dám làm một tờ báo đề bênh vực quyền lợi và đề cao những bà ca ve, gánh nước, những sến, những má cô là một việc làm đáng cảm phục, biết điều, đúng điệu, đúng một đáng được ghi ơn vào... văn học sử.

Trong một trang báo phụ nữ khác trong một mục gì không biết tên. (Xin lỗi báo được ở một vị trí không mấy tốt đẹp). Chỉ thấy đề tóm tắt các (kỳ trước, kể đó là phóng sự tâm lý của cô, phía dưới có những dòng sau đây : « Em thử dài, hơi thử dài ngao ngán không có chút làm màu. Em đặt nhẹ tay lên vai anh và xô nhẹ anh nằm xuống. Để rồi em lại được nằm bên anh. Em ví von : »

— Giờ thì chúng ta đã bình đẳng với nhau rồi ».

— Có nhiều lần ra phố nhìn đám con gái choai choai sống và chơi rồi tồn tóc gáy. Cà bang, cà thang cặp tay cặp chân đi đầu đường xó chợ thấy mà thương. Đọc báo ngày nay (đúng lại báo, có lẽ báo phụ nữ) thấy có mở thêm mục mới : « 40 người con gái muốn tìm bạn trai ». Với tên họ và địa chỉ đáng hoàng Ừ, đời chiến tranh, buôn làm có tìm bạn cho vui ! Mỗi lần nghe tin một cô liều yếu đào tẩu bị « bệ hội đồng », tôi lấy làm đau xót lắm tuy nhiên cũng tàn ác cười gằn : tội nghiệp ở nhà kín cổng cao tường chắc là thoát cơn « bị cực ». Mới đây lại được biết một cô học trò bị đưa ra hội đồng kỷ luật vì dám tuyên bố hàm hồ và giơ mặt với giáo sư. Chao ôi họ loạn thế sao. Tôi nghĩ thơ nào có biết. Mỗi lần đi học qua các quán cà phê tranh tối, tranh sáng nghe các cô la lên khoe nhéo : « làm thân con gái hơi lớn lên là phải đi lấy chồng » (tiếp theo hẳn phải là một độc kê về bị thiệt !) tôi cũng lấy làm hân hạnh và rất hân hạnh được làm thân con gái để được cái ông nhạc sĩ nào đó và mấy cô than giùm y như cô Kiều khóc Đạm Tiên ấy : « hồng nhan nào phải giống đời mồi ru ».

xem tiếp trang 16

DƯƠNG TRƯ LA

thời sự văn nghe

LOẠI CÂY NHỚ GIÓ. TẬP THƠ LÂM CHƯƠNG VỚI SỞ PHỐI HỢP NGHỆ THUẬT.

Đã mang dòng máu văn nghiệp đã nhiều đau khổ, mà làm văn nghệ lại còn phải gánh chịu thiên hình vạn trạng khổ đau hơn. Muốn thái sinh một đứa con tinh thần phải kẻ vai gồng gánh trăm ngàn cuống rối vật chất đến tinh thần. Vừa chạy tài chánh, vừa chạy nhà in, vừa làm họa sĩ trình bày, vừa đóng vai thầy cô, vừa phải đóng vai ông phát hành... Đã thế, còn phải đóng luôn vai kẻ thù truyền kiếp với ông kiểm duyệt. Văn để kiểm duyệt được bày tỏ ra đây kẻ như đã vượt đuôi lươn. Văn nghệ sĩ đã lên án vì hiền đó. Thế Uyên đã chính thức đơn kiện đó, nhà Hồng Lĩnh đã phản kháng đó... và cái gọi là sở PHNT vẫn còn ý nguyên đó. Kết quả, biết bao nhiêu tác phẩm giá trị của Việt Nam vẫn đã bị bàn chân tàn bạo của sở PHNT đã lăn lóc vào bóng tối.

Tập Chí và Tủ sách Khai Phá mới ra quân lần đầu tiên với tác phẩm của Lâm Chương cũng đã bị sa vào tệ trạng trên. Tập thơ Loài Cây Nhớ Gió là vốn liếng một đời làm văn nghệ của Lâm Chương, gồm một số bài mới cộng với những bài thơ được tuyển chọn đã đăng trên các tạp chí như Văn Học Văn - Khởi Hành - Khai Phá - Sống - Nghệ Thuật - Ngân Khôi... Lần kiểm duyệt đầu tiên, Loài Cây Nhớ Gió cũng bị đầu viết bích đồ chau nát. Lần kiểm duyệt thứ hai, Loài Cây Nhớ Gió cũng bị đầu viết bích đồ chau nát. Nhìn lại toàn tập thơ Loài Cây Nhớ Gió chẳng có điều gì đáng bị kiểm duyệt cả. Tập thơ chỉ là một tiếng kêu khẩn thiết của độc giả thường của một thế hệ tuổi trẻ đang du sinh trên chính quê hương mình, một ý thức tình yêu bị tráng được gây dựng từ những bài chiến tẩu với vợ, và cũng là một ước mơ nhỏ nhoi hiền hòa pha trộn tình người Đông Phương. Trong những lần kiểm duyệt cho Loài Cây Nhớ Gió, đặc biệt là ông phối hợp nghệ thuật đã phối hợp thật lộn xộn. Lần thứ 1 kiểm duyệt đầu tiên thì bỏ bài thơ A, lấy bài thơ B, lần kiểm duyệt lần thứ hai, thì lấy bài thơ A bỏ bài thơ B. Vậy với khả năng phối hợp như thế, nhà Khai Phá xin ra mắt bạn đọc toàn cảnh Loài Cây Nhớ Gió mà không để cây rơi một chiếc lá nào.

HOÀNG HON CỦA
NHỮNG THẦN TƯỢNG
« Hoàng hôn của những thần tượng » là nhan tác phẩm của Friedrich

Nietzsche do Nguyễn Hứa Hiếu dịch. Tôi thiếu và ghi chú. Anh Nguyễn Hứa Hiếu là người cộng tác thường xuyên với Khởi Hành những bài dịch thiện nhiều về triết lý, rất được bạn đọc mến mộ. Hoàng Hôn của những thần tượng là một tác phẩm lớn của Nietzsche, hãy đọc : Sự thức tỉnh của nhân loại bắt đầu với song luận này : Hoặc chúng ta phá hủy sự sùng bái của chúng ta, hoặc chúng ta phá hủy chính chúng ta.

« Còn người đã tự hèn yếu và nghèo nàn hóa mình khi tôn thờ những thần tượng. Nó đã phá vỡ giá trị đất những « chân lý » thiêng liêng, cuối cùng chỉ là những sai lầm sinh lý học. Lịch sử nhân loại là diễn tiến của những sai lầm trầm trọng. Nhân loại tự mình đã không đi theo đúng-chính đạo, đã không được điều động bởi một thần tình mà trái lại để bị lôi cuốn bởi một bản năng tiêu cực, hư hỏng, bởi bản năng suy đồi mà nhân loại đã đặt lên hàng những giá trị tối thượng liêng ». Bởi thế sự sụp đổ của tất cả mọi chân lý hay

Khởi Hành

TUẦN BÁO VĂN HỌC NGHỆ THUẬT
RA NGÀY THỨ NĂM • CHỦ TRƯỞNG
HỘI VĂN NGHỆ SĨ QUÂN ĐỘI • GIẤY
PHÉP XUẤT BẢN SỐ 5581BT/HCB
NGÀY 26-3-69 • TÒA SOẠN VÀ TRỊ
SỞ 225-227 PHẠM NGŨ LÃO SAIGON
ĐT : 25.865

Chủ Nhiệm :
ANH VIỆT TRẦN VĂN TRỌNG
Phụ Tá Chủ Nhiệm
HY VĂN — NG. VINH NHƠN
Chủ Bút :

DƯƠNG HÙNG CƯỜNG

Quản Lý :

HUYỀN VĂN MẠNH

Bộ Biên Tập :

HOÀNG NGỌC LINH — THẠCH

HÀ — ĐẶNG TRẦN HUÂN —

TRINH CUNG — DIỄN NGHỊ —

NGUYỄN NGỌC HẠNH — MAI

TRUNG TÌNH — TÔ KIỀU NGÂN

— NGUYỄN ĐỨC QUANG —

DƯƠNG TRƯ LA.

Minh Họa :

NG. HỮU NHẬT • LƯU HUỖN

TRUYỀN • NGUYỄN HẢI CHÍ

Thư ký Tòa soạn :

trình bày bìa, nội dung :

VIÊN LINH

• Bài không đăng không trả lại bản thảo dù có lời yêu cầu.

• Mỗi số 25đ, công số giá gấp đôi.

• Truyện ngắn và tiểu luận viết cho K.H., từ lần đăng thứ hai, có trả nhuận bút.

• Từ nay chúng tôi sẽ dành hai ngày Thứ Tư và Thứ Sáu, từ 11 giờ đến 12 giờ, để trực tiếp trả nhuận bút các bạn có bài đăng trên K.H. tại Tòa Soạn. Xin liên lạc vào ngày giờ đó với biên báo Quản Lý hoặc Biên Báo Thư Ký Tòa Soạn. Các bạn ở xa chúng tôi sẽ gửi Bưu Phiếu.

« Hoàng hôn của những thần tượng » là một điều tất yếu và thiết yếu, một giai đoạn chắc chắn phải xảy ra và cần phải vượt qua của lịch sử ».

Câu nói trên đây đủ để biết vì sao : « Hoàng hôn của những thần tượng » hay « Làm cách nào triết lý với một cây búa » vậy.

PHI CÔNG THỜI CHIẾN

« Phi công thời chiến » là bản dịch của Lương Đình qua một tác phẩm của Saint Exupéry - Dãy ngót 200 trang giá 180 đồng. Do nhà Quế Sơn Võ Tánh xuất bản. Đây là quyển sách dịch thứ 21 của nhà xuất bản này, của nhiều tác giả và nhiều dịch giả khác nhau. Bia Phi công thời chiến do họa sĩ Hồ thành Đức trình bày. Quyển sách rất thích hợp cho những người trẻ thích suy gẫm, nhất là trong hoàng cảnh của đất nước ta hiện giờ.

ĐẶC SAN LÂM ĐỒNG

Các anh Tống Châu Ân và Nguyễn cũng là những người thường xuyên « góp mặt » trên tuần báo Khởi Hành, đã hợp lại lo phần văn nghệ đặc san Lâm Đồng. Quyển đặc san chúng tôi nhận được là số đặc biệt kỷ niệm quốc khánh 1-11 — Không biết các anh gọi hồi nào mà mỗi đến hôm nay mới đến tòa soạn — Ngoài những bài về thời sự, khảo cứu, sinh hoạt v.v.v. Phần văn nghệ của đặc san Lâm Đồng coi bộ xôm tụ chỉ với các bài vô như: Đến trưa của Nguyễn Ngữ. Bước đường yên ba của Từ Quy, Cao Nguyên chiều nay có gì lạ không anh? Của Hoàng Thị Thúy Liên. Còn đêm nay của Trần Hương, Dấu khuỷu, Đi xanh của Lê Thị Hạnh, Văn Bô yang của K' Breo, Lối thoát cuối cùng, (bài đọc sách La seconde chance của Virgil cheorghlu) của Lê Khang và Cho một tương lai thật gần của Tống Châu Ân.

Đặc san Lâm Đồng in trên khổ nhỏ, giấy trắng đẹp và cách trình bày trang nhã. Một đặc san tinh tế sảng giá.

VÀNH KHĂN TANG CHO TUỔI

Tập thơ mỏng với 10 bài thơ kỷ niệm sinh nhật thứ 17 của tác giả Trần Sao Hoa mang nhan là « Vành khăn tang cho tuổi » cũng là tựa của một bài thơ trong cả tập thơ.

Trong cả bài thơ « Vành khăn tang cho tuổi » tác giả Trần Sao Hoa ba lần lặp lại hai câu : « Mày hãy cười đầu tiên vành tang trắng thấp thoáng trên nhang tạ lỗi cùng đời ».

Với tuổi 17 mà tác giả đã mang nhiều buồn bã với đời... hy vọng đây chỉ là một thoáng ưu tư của tuổi, để rồi Trần Sao Hoa còn « dẫn đường » hơn nữa Trần Sao Hoa chắc đồng ý chứ?

ĐÃ PHÁT HÀNH:

Nhạc Ru Tuổi Hồng

- ① Một tuyển tập đặc ý nhất của các nhạc sĩ ANH VIỆT — LAN ĐÀI — LÊ TRỌNG NGUYỄN — HOÀNG NGUYỄN — NGUYỄN HIỀN.
- ② Các bạn yêu nhạc, không thể bỏ qua.

CƯỜNG NHẬN



GỬI QUÍ CỤ CÔNG CHỨC HẠNG TRUNG

(Nhân dịp Nhà Nước cho tăng lương)

Thuế má tăng hoài, nghĩ chán ghê!
Tăng thu, lập tức lại tăng chề!

Ba ông Tài Định tha hồ chém
Lũ tiểu thương nghèo chết thảm thê!

Vật giá leo thang quá ngựa phê
Ông rằng mới « nhích » tí... tí... tí...
Ngự trong phòng lạnh « mần » con toán
Thôi, lạy cả làng Viện Thống Kê!

Khò đến nơi rồi, các Cụ ơi!
Tăng lương như « dzậy » chết « cha » đời!
Gạo lên hai « xin », lương thêm một
Trăm bạc, mua chừng mấy củ khoai?

Lập, Hành, Tư Pháp, đủ bạ ngồi
« Âm sát » rung rinh, hách quá « chời »!
Nếu quyết đồng tâm lo cứu nước
Gian thương, Tham những dễ chi ngồi?

ĐÊM GIỚI THIỆU

THI TẬP

« NGÂM NGƯỜI RIÊNG TA » Ở BIÊN HÒA

Đêm chủ nhật 19.1.71 hồi 20 giờ tại quán cà phê Thanh, Quốc lộ 1, Biên Hòa, cơ sở xuất bản Vượt Sóng ở Biên Hòa đã tổ chức giới thiệu thi tập « Ngâm Người Riêng Ta », tác phẩm đầu tay của anh Nguyễn Quang Bằng, và cũng là tác phẩm thứ nhất của cơ sở xuất bản này.

Đây là một hoạt động văn nghệ đáng ghi nhận ở địa phương này, đã hâm nóng sinh hoạt văn học nghệ thuật miền Đông. Đêm đọc thơ đã qui tụ được một số khá đông nhà văn, nhà thơ, nhà giáo và sinh viên từ Saigon xuống tham dự. Chúng tôi nhận thấy có nhà thơ Hoàng Lộc, nhà văn Hoàng Ngọc Hiến, họa sĩ Nguyễn Hoàng Hoành (người chiếm giải hội họa VHNT của Tổng Thống VNCH 1970), họa sĩ Trần Hội, nhà mộc bản Trần Thế Vương, Vũ thế Kì... Và các anh em chủ trương cơ sở Vượt Sóng cũng hiện hữu.

Chúng tôi được nghe chính tác giả Ngâm Người Riêng Ta nói chuyện về thơ của mình, các cảm nghĩ về Ngâm Người Riêng Ta của Hoàng Lộc, Hoàng Ngọc Hiến, Đỗ Quang Sing, Hoài Thanh... Và được nghe các giọng ngâm Mai Thy, Trần Văn Kỳ, Hoàng Ngọc Hiến ngâm thơ Ngâm Người Riêng Ta. Hơn thế, chúng tôi còn được thưởng thức những giọng ca nữ Bào Lam Lệ Thu, Thủy Ly và các giọng ca nam Văn Trung, Văn Khoa, Nguyễn Lam Định Kiên, Hoàng Minh, Nhất Ly qua những ca khúc nổi tiếng của Trịnh Công Sơn, Lê Thương, Phạm Duy...

Pháp giới chương trình, anh Nguyễn Quang Bằng trình bày chủ trương hoạt động văn học nghệ thuật thuần túy của một số anh em văn nghệ tại Biên Hòa đã cố gắng ngồi lại với nhau. Anh Hoàng Ngọc Hiến vui vẻ báo trước với thân hữu cơ sở đang chuẩn bị cho ra đời tập truyện « Những Gì Còn Lại » của nhà văn Thái San, và hy vọng sẽ phát hành trước Tết Con Chuột. Đêm đọc văn Thái San cũng sẽ được tổ chức trong dịp phát hành « Những Gì Còn Lại ».

Kết quả, tập Ngâm Người Riêng Ta đã bán được rất khá trong đêm giới thiệu này. Xin có lời mừng tác giả và cơ sở xuất bản Vượt Sóng, Trần Tất Dũng.

ĐẶNG TRẦN HUÂN

7 KIẾN NHÀ DANH HỌA PICASSO VỀ CÁI CHẾT

Luís miguel Domínguez, một trong những nhà vẽ dẫu đầu bò rừng Tây Ban Nha, đã từng nhiều lần trở thành triệu phú nhờ đánh với bò vừa bị bò đá gãy vài ngón tay, trong cuộc đấu tại Lima, thủ đô xứ Pérou.

Nhà vẽ dẫu 45 tuổi này kiếm người bạn đồng lương là họa sĩ Pablo Picasso để tâm sự về lý do tại sao trở lại đấu trường.

Nhà danh họa lập thẻ bên oho ý kiến như sau.

— Gần hết cuộc đời tôi, tôi miệt mài vào hội họa và rồi đây có thể tôi sẽ chết vì hội họa. Anh cũng bỏ cả gần cuộc đời anh vào những cuộc đấu bò, Như vậy nếu anh trở lại đấu trường và có chết trên một cặp sừng bò, tôi thử hỏi còn cái chết nào đẹp để lý tưởng hơn nữa không?

Nghe ông già gần 90 tuổi nói vậy, chắc nhà thơ thao trung niên phải lên tinh thần lắm.

Có điều 45 tuổi mà chết máu me chan hòa bên một con bò mặt long sọc sọc đầu có đẹp bằng 90 tuổi nhưng chết bên giá vẽ cạnh chục cô người mẫu trẻ măng, khỏa thân, trắng nõn nà.



Sách Báo mới

ĐÊM GIÓ LỘNG.—Truyện dài của Trần Tử Bình (Sao Biển) do Phú Đức xuất bản. Sách dày 300 trang, giá 250 đồng.

Xã hội VN, kể từ 8 năm nay, mỗi ngày mỗi đêm là một Đêm Gió Lộng, thứ gió lộng mạnh tới dọa dấy, chia ly, đả võ và vô tước. Là nạn nhân, là người đi đêm đen không được cầm tay, bị vây hãm bởi mộng vuốt yêu quái, ông Sao Biển vẫn đủ bản lĩnh đứng trước gió và thoát khỏi gió cuốn đi kể cho chúng ta nghe những ưu phiền của kiếp người hàng ngày, hàng tháng, hàng năm chấp chờn trong **ĐÊM GIÓ LỘNG** (trích bìa của Duyên A-h).

TIỀN ĐỒN Truyện dài của Thi Uyên tái bản. 280 trang giá 280 đ. Bìa Nguyễn Hữu Nhật.

MƯỜI NGÀY PHÉP CỦA MỘT NGƯỜI LÍNH.—Thơ Uyên tái bản Bìa Nguyễn Hải Chí.

BAY NGHIỆM VÒNG ĐỜI. Thơ Tuệ — 94 trang giá .00đ. Sáng Tạo xuất bản.

« Tán thức là mỗi cánh chim reo ca trên vòm trời vô hạn — thì cơ là tự thể thiêng liêng của tiếng hát đó.

Cánh học trắng đã bay — chương khác thần bí đã mở — tiếng hát bắt ngát vỡ tung trong một tâm thái sung mãn nhất của thi sĩ. » (PHẠM THIÊN THƯ cảm đề).

Các bạn yêu thơ và nhạc
đón tìm nhạc phẩm:

KHI NÀO

- Thơ của MAI TRUNG TÍNH do nhạc sĩ Tuấn Hải phổ nhạc.
- Một hòa nhập tuyệt diệu giữa thơ và nhạc.

G IÓ cuối đông hung hân thổi. Thổi xoáy cuốn, phốc tháo (không vờn vuốt, thổi phốc như năm trước). Luồng tiếp luồng, không người, đảo, quạt những vòm lá thông xanh (nén hoa vượn dựng rợp mùa) rủ rượi như đám mây đến nỗi cơn tới tã. Đạo bước rào, ngã chúi và chồm hều như vật mây lênh bênh trôi lòn vào khoảng giữa hai dãy lầu cao, Cao ngất đồng dạng. Nặng trĩu chiếc áo Jacket tiếp màu rừng đại. Vẫn phải mang. Mặc miết mãi không cởi thoát. Gió mang cái lạnh giá cầm cầm từng chấp miến viễn tạt ủa từ lũng hút thẳm ngấm thật xương. Rùng người. Thỉnh thoảng, Đạo rúm co như tôm hộc (tôm lược vàng ngầu, cong quăn, gầy gộp). Đạo rẽ ngoặt qua lối đá trắng nhám, xếp nất lòn như mặt bàn trải tôn xám nơi phòng ăn Cầu Lạc Bộ, lúc sắp lúi lũi vào hành lang bộ Chỉ Huy, chàng chạm mặt Ông Trung tá T. rầu quặm ngay ở Cầu thang đầu (cầu thang ngoằn tròn ốc). Cái pipe đen thẫm xoắn quặm; hôm nay, không thấy gắn trên môi ông, ngất ngưỡng

— Bữa nay, Trung tá về trễ...
— Tôi bận việc phải làm nán cho xong. À, anh, anh có dạy thằng sinh viên M. khóa 2 không?
— Dạ để tôi nhớ coi, đông quá... mà có chuyện gì vậy Trung tá?
— Không anh, thằng ấy là cháu tôi, hỏi thăm coi anh có dạy nó không, không biết nó học hành ra sao, hay nếu không nhớ, anh lưu ý và cho tôi hay sau này cũng được.
— Dạ để tôi cố gắng...

Ông Trung tá thoát ra ngoài hành lang, chiếc mũ tím thẫm tốc bay, lẩn cuốn trên vật cỏ xanh, rồi rớt tấp vào ụ súng lớn (cây đại liên phủ trùm poncho, ban ngày, lú ló khỏi ụ đảo như gốc cây bị đổ xán dần chờ bùng rở). Ông phóng nhanh chụp bắt như người thủ môn nhào theo quả bóng. Đạo bước trên nền gạch hoa trơn nhẵn, cửa cuối dãy đã ngấn bít hành lang như thềm mù hơn và rợn lạnh. M.: Đạo còn là gì nữa. Cả trong giảng đường, mắt hắn cũng lao liên, gian tà. Hắn lồi lằm nặng, bị Hội Hồng kỳ luật cho ra trường năm qua. Ra đơn vị hắn chạy chốt, được trở lại học, chung với khóa đàn em; chờ cùng tốt nghiệp.

Qua mỗi cửa phòng khép khóa im im Đạo, nhìn ngó không bỏ sót: thói quen gây một mắt, từ đời buổi trưa. Buổi trưa không ngủ (dù giấc chập—chờn ngắn ngủi) đáng rừ liệt như nhỉnh thông bày hiện trước hăm đá giả sau cuộc lễ Giáng Sinh. Thói quen thừa thãi điệp lập miến mãi như người tù xa lạ với căn hầm mới đến. Xứng xứng chiếc áo nặng đang mang; cổ rộng vành, cạ vào chiếc khăn quàng màu xám của chị H. đan tấy, lằm Đạo, lúc nào cũng nghĩ như đầu cổ sau gáy, luồn lỏi trong tóc, chui cút ở hốc cổ, con sâu róm rị mọ bò ngoằn. Gió vẫn đập dánh va giạt vào các tấm sy lon đục gần pháp phêu che tạm những ô cửa bề trống (nhân lần tấn công, cách đây hai năm, địch quân cố gây hư hao vật chất rồi thủ nhân mạng của họ thiết hại xếp lợp như cá mèi rả rục ngoài vòng rào xa, lút còi). Qua một cầu thanh dài quét quẹo nửa, Đạo tới trước cửa phòng chị H. Chân chừ, cuộn giấy cầm lâu trong tay mồ hôi rịn ẩm. Chờn mới lòng khấn quàng đánh diêm đốt thuốc hút, lúc mờ mẫm vào túi áo, chàng chạm cái pipe thon dài cùng những sợi thuốc rớt rả nhám cào, (chàng thích pipe gầy hợp dáng lệu khệu của mình). Tiếng động lịt kịt chợt ngưng trong phòng. Đạo mừng rỡ tưởng chị H. đang ngóng nghe, đánh chi lúc này em à như cơn mèo cái rình chuột trên nóc nhà lá.

— Ai đó, ai đứng ngoài cửa đó?

Chị H. giả vờ giọng tiếng vì chàng thừa rõ chị biết là chàng — chính chàng khuấy rối chị buổi trưa ở lại sở. (Nhưng trưa nào Đạo không đến, cố tình không đến một trưa, lúc gặp lại, ánh mắt chị lộ vẻ hờn dỗi, xa xăm thấy rở). Thường thì trưa nào chàng cũng đến bởi nếu không đến, chàng không biết phải đi đâu, đi đâu cho người ngoại, khuấy khỏa. Chàng tạo lý do này. Có khác. Mọi điều tự tạo, lúc nhớ lại, chàng thấy lơ ngơ, vờ vẩn, buồn cười. Cười thầm đọc đường, đọc số, lúc đang ăn, lúc trước giấc ngủ cũng là một thói quen mới (Bây giờ chàng nhiều thói quen. Tân mẫn và rồi rằm. Tay chân không yên, tiết rở: quờ quạng, thặng thừa).



ĐANG ĐÌNH TÔNG LÔNG CHIẾC

Đạo đứng lơ ngơ khờ khạo núp ngoài bờ tường đá đỏ nhẵn, nghe lục đục trong phòng, chàng ngại nên không mở cửa tự mình, như nhiều lần khác?

— Ai đó?

— Tôi, chị H.

— Ai, tôi là... ai?

— Tôi là Đạo đây chị... tôi vào được hả chị H.?

Chị H. ra mở cửa, thân chênh nghiêng tóc chảy nhều buông thòng. Tay còn giấu khuất sau cửa, phần đầu lấp ló như đầu rùa dính rêu xóa rừ chưa chịu chui khỏi chiếc mai đen kền cứng.

— Chuẩn úy hả, tưởng ai, tưởng kẻ lạ.

— Chị H. nhờ chị đánh máy hộ tôi cái này.

Lúc lách vào phòng, cửa lòn tự động khép dần, giam nhốt chàng với chị H. kín mít, tù hãm. Chị H. một tay cầm khung đan lông thông rìa vải trắng: tay kia với lấy ấm nước chùi sáng, đang reo sôi, chế pha cà phê, bếp điện gọn nhỏ hực lửa vòng lò so ngoằn.

— Chị H. chỉ đan lon... thiếu úy cho ai vậy?

— Có người nhờ.

— Ai nhờ vậy chị?

Người ta mượn mà chuẩn úy. Một anh sinh viên sắp ra trường Chuẩn úy không cần biết tên làm gì. À, chuẩn úy, hôm trước H. nhớ cái cổ thuốc của chuẩn úy bề đầu ngậm phải không, chuẩn úy đưa H. mượn làm lại phần đó cho. H. biết có một người lính thượng làm pipe, đưa H. nhờ hắn lấy tiền rở.

Đạo lục lùa túi, mò nắn phần đuôi pipe sút được học lại bằng băng keo trong. Phần ấy cộm cao như ngón tay trở của anh sinh viên Đ. khóa nhỏ, bị đứt lia lọi, được bỏ lại cầu may lành lặn. (Tai nạn tình cờ hay cố tạo, đang trong vòng điều tra ngầm, lần tìm manh mối). Chị H. chăm cúi đan tay thoăn thoắt, vẻ xa lạ thất thường. Chị tựa lưng vào bàn làm việc, chiếc máy đánh chữ cỡ lớn duềnh dằng như một đầu bò tể lễ. Trong nỗi im thinh, Đạo nhóm người đứng lên (định từ giả), thấy trong khay đựng viết cái cổ thuốc da nhẵn của ông trung tá T. ụp khum xuống. Một tiếng nổ lớn, thảng thốt, át thét rung rinh.

— Gì nổ vậy chuẩn úy?

— Chắc mìn, mìn cũ chôn lâu ngoài vòng rào jút còi, ngập nước nên tự động nổ. Thôi, tôi đi ăn cơm và xem coi cái gì nha chị H. À, chị H. chị đánh máy bao lâu xong, ngày mai tôi đến lấy được không?

— Nếu vậy, H. phải mang về nhà để chiều rảnh đánh, độ này H. sắm được chiếc máy nhỏ đánh thuê bài của trường.

Đạo đi trong hành lang tầng trên và thoát ra lộ bằng cầu thang đầu dãy mà, ban này trung tá T. đã vượt qua. Hình như, sau mỗi khi gặp gỡ chị H.

Đạo cảm nhận như có điều âm ỉ nào ngấm cở bọng, bích bích chằng á á như đũa bẻ ở bím rần khê từng lờ. Nền, dù không thích. Đạo nhiều lúc, cảm bắt như hén ngọam bần (không phải riêng trước chị). Ở đâu, nơi nào, chàng như bị xé lể một mìn. A ha Một mìn. Một mìn găm nhấm đời riêng. Chàng lựa lời đánh tiếng trước mọi người như cô gái mới về nhà chồng, lả lăm kiếng dè. Nào phải chàng chịu ảnh hưởng câu nói của một ai (chàng không thể nhớ); cả đời, hẳn chưa nghe (chưa nói hay chưa nghe ai nói) một câu nào vẹn đây (?) lý thú. Đúng ra, Đạo sợ những đêm thao thức trằn trọc nghe lòng trời dăng hồi hận (sau các câu nói, trả lời, không kịp kềm giữ, trong ngày), chàng né lánh những cuộc giao tiếp mà đáng lý ở tuổi chàng, một tuổi trẻ còn (rõ là chàng còn non nớt), chàng phải và là, hăng liệt, hoạt bát, động cởn, Đạo ý thức, nhưng không thể sửa chỉnh, càng sống, chàng sẽ tự dưng ngập vào nỗi tù túng, bần chất, tư riêng. Biết sao, Biết sao bây giờ đây, chị H.

— Thầy, thầy đi đâu... lênh ngênh như mất hồn?

— À, anh... đi xuống Cầu Lạc Bộ.

— Thầy có hay gì chưa thầy?

— Hay gì anh, hay gì nào?

— Đêm qua có... người lên treo cửa sổ vào tầng lầu 2 thư viện lấy mớ sách, bị lính gác Đai lên trên tầng thượng phát giác, lúc tàu thoát, tên trộm ném quăng túi sách lại dọc đường.

— Bây giờ, ra sao anh?

— Thầy có vừa nghe tiếng nổ cách đây khoảng nửa tiếng không. Thằng M. đó thấy. Một mìn nó lằm rầu nổi canh. Bị nhất giác nó xẩu hổ tự hủy hoại trong phòng. Chàng bao lâu nữa ra trường rở; đạo nó nghe được chắc chắc rồi lắm. Chị H. bên Q.S.V. đó thấy, thầy biết không?

— Chị, H. trời vậy sao.

— Đâu có gì lạ thầy. Ai... mẹ muối cô ta đều lần lượt bị tiêu rụi hết. Tiêu ra tro ra than. Thôi để em xuống bệnh xá xem sao, xác nó nhảy nất, manh mún đó hèn.

Ra xa được mấy bước, Đạo nghe vắng tiếng nói với?

— Thầy ơi, vụ em kể cho thầy; thầy gắng giữ. khoan thò là cho ai nha thầy?

Chết Đạo bàng hoàng, muốn ngồi dật dựa đầu đổ, trên vĩa cỏ, bên lể đá hay sát cổng nước rì rào để dưng nghĩ, rền thẳm mọi xúc động vu vơ thoáng chợt. Không biết có nên kể lại điều vừa nghe cho chị H. biết. Chết. Chết vì hồi hận, chùng lòng. Mọi ác ý về M. trong chàng, vờ rả tan hoang như sương sớm. Ráng chiều. M. không còn không biết hình ảnh của M. còn nán dăm, bao lâu, trong lòng chị H. Chị H. Đạo nghe lòng rừ liệt thể thẳm, ngấm nga báng quơ không chủ định câu thơ, khoanh chốt âm vang người người. Mỗi cuộc sống âm thầm nổi chết. Chúng ta đành ve vuốt nỗi đau riêng. Ài đó, hình như từ bên hông phan xá, vừa vẩy tay chào chàng. Chàng qua được cầu thang dài nhiều nất, tự lúc nào, không ngờ, lúc đứng lều nghêu trong bao lon Cầu Lạc Bộ, thấp thoáng xa ngoài thị xã, những cơn mây xám dập dình nhà phả từng mảng bóng đen mất lượt tấp trên vòm lá, qua đôi trục, ngang phố cao, in phớt mặt hồ phẳng gương.

Và bữa ăn trưa trễ xể, cũng qua xong. Đơn bạc. (Ồi những bữa ăn qua loa, vội vàng, riết miết rồi chàng muốn rả gục. Vì thiếu khuyết nên xuôi xị, tong teo). Đạo trở lại dãy nhà A, theo lối cò rạp mòn định xuống ngồi quán gần chờ giờ vào phòng dạy (thói quen mỗi trưa tiếp nối chắt ngất, giảng quăng giảng ngày). Chiếc xe Jeep của Trung tá T. lướt vù ngang lỏ, rồi rần rào rào bãi sỏi phía bộ Chỉ Huy. (Không biết ông có đến phòng chị H. không). Đạo chui vô gầm, tối mực, găm mặt xuống lằm quen dần bóng đen lù mù. Và người lính thượng hăm hiu trong góc hẹp, ngậm pipe nhà khói dậm. Ừ, hình như chiếc pipe của ông trung tá T. mà, sao lạ quá, mới trưa nay ở phòng chị H. mà.

— Cái pipe là chuẩn úy, của ông trung tá T. Đó. Hồi trưa cô H. Mượn sửa phần ngậm. Lúc mang về trại tui, đã lằm sẵn một mớ đuôi nên dứt ghép vừa vặn. Bây giờ hút thử, lát chiều giao cho cô.

— Sẵn đây tôi đưa pipe của tui cho anh sửa nha. Sáng mai đem về kịp không. Hút xong anh cho tôi mượn tạm pipe của ông T. mai anh sửa của tôi xong, sẽ đổi trả.

— Dạ, chuẩn úy nhớ đừng cho ông thấy, kẹt lắm.

— Ừ, Ừ.

Đạo ngấm mặt, hóp ngậm cà phê nóng ầm, qua màn khói bủa ngùn, chồn vờn, chàng nhìn lướt qua bụng của L. (con gái lớn, chị cả của mười một đứa em, con bà chủ cất quán bắt hợp lệ núp)

(Xem tiếp trang 16)

THEO bàn tay Đỗ lay gọi, tôi thức dậy. Bên ngoài tấm màn rủ che, đèn đã bật sáng. Hình như đèn đã được bật sáng suốt đêm như thế thì phải. Ánh đèn xuyên qua bức màn vậy thành một lớp sáng mờ trộm phủ lên tất cả những bày biện trong căn phòng. Khuôn mặt Đỗ cúi xuống sát trên mặt tôi: đôi mắt xa xăm, mái tóc rủ dài, nụ cười mơ hồ. Tôi vươn tay nín nằng xuống với sự thêm lam biếng nhác và nỗi quên lãng mỏng lung sau giấc ngủ ao đây.

— Thôi, dậy cho rồi anh, trễ xe mất.
— Mấy giờ rồi.
— Anh không nghe chuông nhà thờ vừa đổ đó à?

— Không. Chuông mấy giờ vậy?
— 5 giờ 30.

5 giờ 30, còn nửa giờ nữa chuyển xe đồ thứ nhì sẽ bỏ bên thị trấn. Sẽ có ba chỗ ngồi dành sẵn trên khoang xe cho 3 người ra đi và một chỗ ngồi nào đó trong quán cà phê trẻ nãi với buổi sáng mai cho tôi, kẻ ở lại. Tôi sẽ ở lại nơi này, sáng nay, như đã hơn hai năm qua và còn chẳng biết đến bao giờ.

— Dậy anh, dậy đánh răng rửa mặt mà còn ăn sáng này.
— Chן nước nóng để rửa mặt không?
— Con.

Hôm nay là ngày cuối tháng của một năm sắp tận.

Một năm, từ hôm nào tôi lẽ loi bỏ bạn bè nhà cửa và thành phố quê quán ôm xác đến ngồi co ro đợi tàu ở phòng đợi phi trường ngày cận tết để kịp ra đi, và ra đi, đến đây, rồi mãi lần khần đến bây giờ vẫn chưa trở về — Hồi khuya, sau lúc chia tay với đám bạn bè và vợ chồng Trung, ra khỏi căn quán cà phê gần nhà thờ đầu phố cũ, tôi và Đỗ đi lang thang qua nhiều con đường lộng gió se lạnh dưới nền trời giăng mắc sao khuya. Những con đường không đèn nối nhau dài tới ngút vắng, những đoạn dốc nghiêng chênh, những khoảng đèn từ hắt phớt hắt ra về nhà chiếc bóng hai đứa dính chúng vào nhau và những khớp xương lạng lẽ mỗi rồi, hơi lạnh càng khuya càng đặc lại với tiếng gió man thiên kéo qua ngoài mái cao, giấc ngủ ấm nồng hơi thật đa chan chiếu. Giấc ngủ đã qua đêm sắp hết, những tiếng động của thì trấn bắt đầu chỗi dậy từ khắp các ngã đường. Hẳn ở bên xe bên kia cầu trắng chiếc xe đồ đang bật đèn nổi mấy sủa soạn chạy quanh quanh đón khách kịp giờ ra đi.

Đỗ lại đi ra dục. Tôi vắt khăn lau mặt, trở vào. Vợ chồng Trung thu dọn xong, đang ngồi vào ghế. Phần cơm nguội và số thịt kho tàu từ bữa tối hôm qua còn lại được đem chiên nóng dọn chung vào một chiếc đĩa lớn. 4 người, hai chiếc ghế dài, đĩa cơm chung, hai chiếc muỗng, không có một cái chén

thể nào rồi cũng tìm gặp lại nhau dù cho có trắc trở chia ngăn thế nào đi nữa. Và tìm lại nhau, gặp nhau, không một nơi nào khác ngoài nơi đây, căn nhà này. Đây là căn nhà vui nhất thị trấn. Chắc chắn thế. Vui nhất trong hôm nay, hôm qua, và còn suốt cả bao nhiêu ngày mai nữa.

Căn nhà nằm khuất cuối ngõ dài, giữa xóm đông dân. Những mặt tường gỗ cũ sơn xanh sậm, những tấm màn rủ che, chiếc giường thấp sau màn, tấm nệm trải trên nền xi măng, bàn ghế giản dị, tàn thuốc lá và que diêm cháy vắt ném lung tung nhưng trên mặt bàn trải vải nhựa trắng vẫn luôn luôn có một lọ hoa nở tươi. Chừng đó, và 4 người. Đỗ đã ở đây, đã ra đi hẹn hò lại trong tháng trước và đã trở về.

Với sự có mặt của Đỗ tôi bỏ nhà thuê mượn của mình ở vùng phố bên kia để tìm sang. Những bữa cơm hai đứa giải sầu xong dọn ra ngồi chuyện trò đợi chờ hai đứa trai, những bạn bè thừa thớt đến đi, những người gặp không cần chào hỏi nhau những kẻ mang đủ thứ tính tình và đã có trình độ văn hóa đại diện cho những đường phố ngoài kia, những buổi tối sau bữa cơm bốn đứa gọi nhau ra quán cà phê, những lần giận hờn, những lời táy nịnh cho tiếng cười trong vui những cánh hoa khuya khoắt dọc phố được hai đứa gái hái trộm mang về. 4 đứa, có đứa là con cái của gia đình lớn lên trong bóng mát chiến tranh quanh quẩn qua các vùng đô thị, có đứa lớn lên từ những ruộng đồng khô khốc nghèo nàn, trong bóng đổ ngưu của bom đạn, đang mịt mù trải giữa chiến tranh, đang mơ hồ thấy tai ương, điệp trùng dọc ngày mai nhưng biết mình không thể nào tránh. Như Đỗ và tôi chẳng hạn. Nhưng ở đây, giữa bốn mặt tường khép vào mờ ra này, cả bốn, chúng tôi không còn gì cả ngoài lòng lâng quên. Lãng hết, quên hết. Ngày đợi chờ nhau đi đi về về, đêm mặc áo ấm quàng vai nhau lang thang, khuya mang đũa ba cánh hoa tình cờ hái được về cắm lên bàn, đắp tóc nhau năm ngói với tiếng gió mùa nghìn triệu năm thổi man man thổi mãi qua những cánh rừng chung quanh thị trấn. Quên linh đi để vui cười, ôm nhau vui ngủ, và có đêm khuya thức dậy nằm trần trờ nhớ, nhắc nhở đến với nước mắt và lời hẹn hò, rồi lại ngủ vùi, quên lãng. Vâng, đây là căn nhà vui nhất. Thị trấn này và là một trong số rất ít, hẳn thế, những căn nhà vui nhất trên trần gian. Tường gỗ che kín bốn hướng gió, mái tôn ngửa lên với trời cao, ngọn đèn soi sáng nay và 4 đứa con sẽ cười đùa ngồi đút cho nhau ăn thêm một bữa trước giờ chia tay sắp tới.

Son sẻ, cả 4 đứa? Thật ra thì cũng không phải nữa, chỉ có 3 thôi phải chưa Trung ra: trong thân xác gọn ghẽ tươi vui đó của nàng đã có một mầm sống được cưu mang đợi chờ ngày ra đời ở mùa xuân năm Sau. Mùa xuân năm tới Trung làm mẹ, hẳn Đỗ vẫn còn son sẻ như bây giờ; và chiến tranh vẫn còn, tôi sẽ về đâu. Tôi ngờ ngẩn nhớ đến. Tôi nhai nuốt miếng cơm Đỗ vừa đút, cười với một câu khôi hài của Trung, quên đi. Quên cuộc chiến tranh đang còn, quên ngay trưa này mình chưa biết sẽ ăn uống ra sao, quên căn phòng suốt tuần bế không hẳn chiếu chăn đã ươm mùi ẩm mốc. Thế đó. Và ngoài kia, tiếng xe cộ mỗi lúc một ồn ào hơn.

— Mấy giờ rồi?
— 6 kém 5.
— Thôi, dẹp dẹp. Đi.

Hai chiếc muỗng bị buông trả vào đĩa cơm. Tôi uống nhanh miếng cà phê Đỗ trao. Cả bốn cùng với và đứng dậy mặc thêm áo lạnh. Áo khoác, mang xác gói ra đường. Hành lý gọn ghẽ hơn, tôi và Đỗ dắt nhau ra trước. Lối ngõ khuất lùi lại, đoạn đường nhựa dốc chênh mở ra dẫn xuôi xuống đường lớn. Đèn sáng sau những cánh cửa khép kín hai bên đường và bóng tối vẫn còn mù thắm trên mặt nhựa. Đêm chưa tan, hơi lạnh hồ như về sáng không những người nhẹ mà còn sánh đặc hơn cả hồi khuya nữa là khác. Giữa hay đây nhà, cao hắt trên mặt nhựa, trên chúng tôi, trên thị trấn, nền trời đêm vẫn còn giăng mắc

(Xem tiếp trang 14)

NGUY NGƯ



KHI ĐÊM CHƯA TẬN

Đỗ thoát khỏi cánh tay tôi, vén màn đi nhanh ra ngoài theo tiếng gọi nói gì đó của Trung. Tôi xô tấm chăn ún lại thành đồng dưới chân, đứng dậy đi theo ra luôn. Dưới bóng đèn tròn sáng rõ, trên mặt trải vải nhựa trắng sạch, cạnh lọ hoa và chồng sách báo gọn gàng, một đĩa cơm chiên đã được bày sẵn từ bao giờ. Vợ chồng Trung tôi lui tiếp tục thu dọn xác gói cho chuyển đi. Đỗ nặn kem ra chiếc bàn chải của nàng, đưa cho tôi.

— Nước nóng em pha ngoài cái lon nhôm đó.
— Khẩn?
— Ngoài đó rồi mà.

Đang chuyện trò cười cợt gì đó với chồng, Trung quay qua nhìn tôi, nụ cười quen thuộc và đôi mắt nheo lại nghịch ngợm:

— Gớm, ngủ gì ghê vậy?
— Hồi khuya về muộn quá. Đêm lạnh...

Tôi vừa nói vừa co ro đi ra ngoài. Câu nói chưa hết, vợ chồng Trung và Đỗ đã bật cười phá ngang, không nghĩ ngợi gì cả tôi cũng cười theo, bỏ lửng luôn.

Ánh đèn khuất lại sau cửa, khoảng thêm khuất gió và tối mù. Xi nước nóng ấm Đỗ đã làm để sẵn trên tiêm xi măng. Tôi xúc miệng, đánh răng. Trên hóa lò chiếc ấm nước sôi vẫn còn, ngọn lửa ngả xanh ôm quanh dĩa ấm, soi hắt lên một khoảng sáng ủa chập choạng trên lưng tường phía sau; và trên đầu bức tường thấp, dưới mái nhà che nghiêng; vẫn còn một mảng trời xa đây, sao sáng trước tấm mặt tôi trông ra. Đêm chưa hết.

nào cả: gọn được chừng nào hay chừng đó, khỏi mất công rửa. Hai chiếc muỗng chia đều cho hai cặp, Đỗ vừa ăn vừa xem chừng mực cà phê trong tách, quay lại mức đút cho tôi. Đầu óc lơ đãng, tôi nhai nuốt, nhìn quanh, nhìn những ngón tay trắng nõn dịu dàng của Đỗ, nghe những tiếng động hằng ngày của thị trấn càng lúc càng chen chúc ồn ào phía ngoài đường lớn. Ngọn đèn im sừng soi.

Vợ chồng Trung thì thầm nói về nơi hai vợ chồng sắp đến. đoạn đường từ bến xe về nhà, thời gian tam chia tay ở sáng hôm sau, ngày gặp nhau lại. Đỗ và tôi vẫn im lặng. Một bàn tay Đỗ điều khiển chiếc muỗng, mức ăn, mức đút cho tôi, và bàn tay còn lại nâng tìm nắm lấy bàn tay tôi dưới gần bàn. Trên mặt bàn, ba chiếc hoa đồ hồng và hai ngọn là vườn là Đỗ cắm từ 4 hôm trước bây giờ vẫn còn nở tươi, đồng sách báo vung vãi đã được dọn lại. Một tuần chung đụng đã qua, ngày chia tay dù có lần khần thế nào bây giờ cũng đã đến. Đỗ và vợ chồng Trung ra đi, rồi khỏi thị trấn này để về lại với những cửa nhà anh em cha mẹ đầu đó dưới SG, và tôi, ngay trong trưa nay, tôi sẽ bỏ căn nhà này để về lại với gian phòng khóa cửa bỏ không ở vùng phố mới bên kia. Hai cánh cửa, bốn chiếc chìa khóa, Trung giữ hai chiếc, hai chiếc của Đỗ nàng đưa cho tôi: khi nào buồn anh sang ngồi chơi một mình đợi chờ em lên.

Em lên. Vâng, thế nào rồi Đỗ cũng lên. Như vợ chồng Trung, như bao nhiêu người thương yêu nhau khác, chúng tôi chia tay với lời hẹn hò và

Tạp văn

nguyên nguyên ý

ĐÊM HOANG

1.

Đêm nay, mặt đêm không mưa, không gió bão, nhưng sao tôi bỗng cảm thấy có tịch lạ, bao phủ một bầu không khí lạnh tanh, tôi lạnh và chợt sợ vô cùng cái khung cảnh cô liêu này. Cố gắng gượng ép ngồi co ro lặt lặt xuống từng tấm bài, tôi đang tìm tới cái may mắn chừa trong những cơn bài vô tri giác, buồn thắm trong nỗi hoang phế. Bên kia ngọn đèn điện 60w tỏa vếu ớt hắt ra những tia đỏ chói trên bức tường gỗ mục, tạo thêm cho khung cảnh lung linh ma quái; tôi không phân biệt được rõ những tấm bài và chợt như bồng bềnh dần.. hình như vắng vắng quanh đây bỗng trỗi dậy khúc Beethoven của lo'í éch nhái; muỗi vì vô tung tăng nhay điệu Tango; tiếng kêu của lo'í chó, tru lên những tiếng kêu gào lạc lõng, những cơn chó còn lại của đám người lính viễn chinh không bao giờ trở về, chúng đang thờ than tìm hơi chủ cũ, và ngay trước nhà tôi đang ở, bằng những vết tích còn lại đã ghi dấu một sự tàn bởi bằng xác thân gượng ép của con người khác chúng... Tôi nghe hình như có tiếng gõ cửa, mờ mờ quanh quất đầu đây và chợt hòa lẫn với tiếng gió rít hờn căm, một cái bóng như thoát bay thẳng vào nhà, mờ mờ ồm ồm tròn cả bức tường trước mặt tôi, cái bóng đang tiến dần về phía tôi và chợt như đưa một cánh tay lửa hơi gió; tôi bỗng cứng người và không còn thấy gì nữa...

2.

— Gì mà ngồi thờ thần thế cậu?
Cái vẻ vai lam tôi giật mình tỉnh táo, Bích đã đứng trước mặt từ lúc nào và mùi vị đầu tiên làm cho tôi tan đi cái ảo giác ma quái là mùi rượu, tôi không trả lời Bích và nói:

— Mày lại uống rượu? khuyên mày hoài không nghe, mai Ngà lên tao mành với nó cho mày coi.

— Ấy! xã giao mà cậu, cậu thấy không? còn sớm chán mà, tớ phải trốn tụi nó muốn chết luôn đây. À! mà sao cậu lại ngồi thờ thần như bụt vậy?

Câu hỏi lần thứ hai của Bích làm tôi chợt nhớ đến cơn ảo giác vừa qua, có lẽ tại tôi mệt, thêm vào đó, tôi đã bị tìm kiếm quá nặng về cái sự hãi không khí hoang vu vùng tôi ở, mà quả nó có lẽu thật, chúng tôi tới đây tiếp nhận một căn cứ của người Mỹ để lại, vùng tôi ở nghe đâu hồi trước có bị pháo kích chết mất mấy mạng. Giờ thì những người Mỹ còn sống đã về nước, những hồn ma còn lại thì mất bạn bè nên hay phá phách chúng tôi, Chính Bích cũng thú thực với tôi là hay có cái ảo giác như vậy, có lần hắn chợt trông thấy hai người Mỹ da đen lạ hoặc tông cửa vào nhà, sợ quá, hắn rút súng ra thì cái bóng đó biến mất. Đạo này, Bích nửa vì sợ, nửa vì buồn công việc, Bích thường hay là cá nhân nhét, thường tôi thật khuya, hai hay ba giờ đêm mới mò về nhà, ngắt ngưỡng là nhè hẳn tôi tới đây, bắt tôi đun nước pha trà cho hắn uống, xong xuôi hắn cời trèo ra ngoài chạy vài vòng quanh gần nhà cho tỉnh ráo, lúc đó hắn mới ngủ yên. Sáng đây tôi thường khuyên hắn bỏ rượu, và hắn đã thề rằng thề chết cùng tôi nhưng tình nào vẫn tật này ngày hôm qua khác ngày hôm nay hắn phân trần như thế.

Ngà, bồ hắn, thỉnh thoảng có tới thăm. Bữa gần biết Bích có uống rượu nên như tôi khuyên hắn, Bích sợ Ngà lên nên lần nào uống rượu tôi cũng đưa tên Ngà ra để dọa.

Tôi nhìn đồng hồ, 9 giờ tối, kể ra đối với chúng tôi, giờ này thì sớm thật tệ lắm khi chúng tôi đi ngủ thường là khoảng 12 giờ đêm, tôi nghĩ chắc đây này Bích nói thật, tụi bạn nhau của hắn thì tôi dư biết, tên nào tên này như hủ chim, thành tích nghe đến khủng khiếp, nội uống rượu không thôi cũng đủ chết người, triển miên từ ngày này qua ngày khác, say sưa rồi ra ngoài mớch họng cho ối mưa để vào uống tiếp tục.

Tôi nhìn Bích:

— Mày trốn về rồi không sợ mai tụi nó chửi à?

— Kệ cha tụi nó, bắt quá thì bỏ bạn bỏ bè chứ gì.

— Bữa nay kể ra là mày khá lắm rồi đấy, nhưng sao tao vẫn còn nghe sặc mùi rượu!

Bích cười:

— Thời đi cha nội! hắc nước pha trà đi để tao ra ngoài vai vòng cho khỏe,

3.

Một lát, tôi đã thấy tiếng huỳnh huých bên ngoài, vừa chạy vừa đâm đá cho dân gần cốt, tôi đặt ấm nước lên cái bếp điện, rồi rút điếu bastos ra hút, ngáp vai cái buồn nản, tiếng huỳnh huých của Bích ở ngoài thấm vào tai như một nhịp điệu, rồi chợt xa dần... một cơn gió bỗng lùa vào cửa, tôi như chợt chơi vơi, lảng lảng muốn té, trong đầu óc tôi cảm thấy toàn một màu trắng đục... và kìa, khói ở đầu mũi mặt khét lẹt, thật nhiều và thật nóng. Hình như sức nóng đang thiếu đốt tôi thành tro bụi, khói đang bao phủ tôi huỳnh huých, và tôi không còn có cảm giác gì nữa...

Tay tôi chợt như bị ong đốt, giật nảy mình thức tỉnh, điếu thuốc cháy dở trên tay rớt xuống đất, ngón tay giữa bị nóng rát như phỏng, một luồng hơi nóng bỏng tạt vào mặt tôi kèm tiếng sôi sùng sục của ấm nước, tôi dơ lên, đã nhẹ tênh. Nhìn đồng hồ tay, mười giờ hơn. — Quái lạ? Sao bữa nay mình lại có cái ảo giác lạ lùng thế, À! Mày Bích đâu rồi? Tôi thịch nhủ và nhìn quanh quất. Bây giờ thì tôi mới nhớ ra là Bích đang chạy ở ngoài sân, nhưng sao không nghe thấy tiếng kia! Bích ra chạy từ lúc 9 giờ mà bây giờ đã 10 giờ hơn, Vậy Bích đâu? trong tâm tưởng tôi chợt nghĩ là phải đi kiểm Bích, không nhớ Bích vì say rượu ra ngoài sương rồi cảm gió không chừng.

Đi một vòng quanh nhà, tôi không thấy Bích, tôi nghĩ chắc có lẽ Bích đã đi ngủ lang thang ở đâu đó rồi, đi quanh một vòng nữa cho chắc ăn tôi về nhà nằm ngủ, buồn ngủ muốn xỉu, tôi bắt vài con muỗi lạc lõng, một quá tôi tiếp đi lúc nào không biết.

4.

Trong cơn mê hình như có ai đang đi con dao vào cổ tôi, giật mình tỉnh dậy, tôi thấy Bích đứng trước mặt, con dao nhọn nắm gọn trong tay để trên cổ tôi tôi nhìn Bích trách móc:

— Mày! mày đi đâu mà tao kiếm chẳng ra? Bây giờ mới về, thôi đi ngủ đi cha nội!

Tôi không thấy Bích động đậy kể cả cái chớp mắt, tôi bỗng thấy Bích có tia nhìn mà không thấy, mắt của Bích đã cau lại và đại hân, Tôi tái mặt đưa tay đây tay Bích cho con dao xích ra rồi nói:

— Thôi! tôi rồi để tao ngủ, mai còn phải làm việc nữa chứ, đỡ hơn!

Bích bỗng quay lại chạy thẳng ra cửa, tôi thở mạnh một cái rồi lại nghe tiếng huỳnh huých bên ngoài, một lát, tôi nghe có tiếng dao đâm vào cửa cửa nhà bỏ trống bên cạnh, tôi chạy ra và gọi to.

— Bích! thôi về ngủ mày! bỏ đién hả?

Nhất thần Bích quay lại, khuôn mặt tôi một lúc, rồi chợt chạy thẳng về phía tôi, dơ con dao nhọn cấp rồi đâm xuống. Tôi la một tiếng thất thanh tránh né, Bích chờ theo dõi, tôi như đang hoảng hốt không kịp, vội chạy về phía tường sau có tiếng người theo, tôi giật nảy thì tôi hoàn toàn lo sợ, có lẽ Bích điên thật, rồi chạy thật mau, tôi chỗ ngủ của những người lính canh, nhưng Bích đã đuổi

theo, tôi chạy vội về hướng khác, rồi không kịp suy nghĩ tôi chạy bừa, không ngờ lại quay về nhà. Có nháy qua mắt cái hồ, tôi bỗng nghe có tiếng kẻ đằng sau, sợ quá làm tôi không dám quay lại, tôi vượt vào trong nhà và móc cửa lại.

Trong tâm tưởng khủng hoảng, quỳnh quáng tôi liều lấy súng ra và lên đạn tôi nghĩ nếu Bích phá được cửa tông vào tôi sẽ bắn Bích đã điên mất rồi! Bích đang phá cửa rầm rầm, rồi chợt than là mình quá đại dốt, giá mà tôi không chạy vào nhà cứ chạy thẳng thì đâu đến nỗi bây giờ bị kẹt không lối thoát, ngồi kia tiếng rầm rầm vẫn đều đặn. Tôi nghĩ ngay đến cái phủ phàng nếu Bích phá được cửa. Trời ơi! Tôi và Bích ai là người chịu hy sinh đây... Tôi chợt như thấy Bích ở trước mặt, đang đẩy dựa trên vũng máu, tôi đứng đó lạng càm như một pho tượng giọt nước mắt trên ini động tự bao giờ bỗng nhỏ xuống má... Một tiếng rầm thật lớn phá tan cánh cửa, Bích xông xộc chạy vào, và thật nhanh đưa con dao đâm xuống...

Thật mau trong trí óc, tôi lướt qua hình dáng Bích, Bích như ngay đại Bích về tội, tôi không thể nào hại Bích, tôi là người tỉnh. Bích như điên, tôi phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về Bích nếu có chuyện gì xảy ra. Lý trí của tôi đã điều khiển tay cầm súng của tôi đứng lại kịp thời. Đưa một tay ra đỡ theo đà dao của Bích, nhìn thẳng vào mắt Bích, tôi nói thật chậm rãi như van cầu:

— Bích! hãy tỉnh lại, tao đây, tao là Thao bạn của mày đây. Hãy tỉnh lại Bích!

Môi Bích như mấp mấp, mắt chớp một cái, tôi cảm thấy như có hiệu quả, tôi nói thêm:

— Bích! hãy buông dao xuống, có tao đây, tao là Thao bạn mày đây...

Tôi động đậy, đưa dần cánh tay cầm dao của Bích ra xa, để cho đầu của Bích dựa vào vai tôi, tay tôi từ từ gỡ con dao trong tay Bích, khi gỡ được rồi tôi buông đại con dao xuống đất, Bích gục xuống như thiếp trong cơn mê. Tôi đỡ Bích lên giường rồi lấy dầu nóng thoa bóp chân tay Bích.

Tôi ngồi chăm sóc Bích từ sáng tới, lúc đầu nóng đã hết hơn phân nửa, cuối cùng tôi lấy một chút dầu thoa lên trên mũi Bích chợt Bích nháy mắt rồi vùng mình dậy, đây tôi té xuống đất, tôi vội ôm chặt lấy Bích nhưng không nổi, Bích vùng vằng lấy thân thể Teakon do hai tay đâm thật mạnh vào vách tường gỗ, tiếng đâm thình thình rung chuyển cả căn nhà, tôi vừa kịp ngồi dậy thì Bích đâm nhăm cái bóng đèn điện, trong nhà hoàn toàn tối, tôi vội chạy ra ngoài, thật mau, đi kêu thêm một người lính canh, đến nơi, căn nhà bên trong đã im tiếng, cầm đèn pin vừa mượn, tôi soi hết căn nhà, thấy Bích đang nằm sống sượng dưới đất, phụ cùng người lính canh tôi đỡ Bích lên giường trở lại, lấy mềm đắp cho Bích đỡ lạnh, cảm ơn người lính canh xong tôi thắm nói:

— Bích giờ mày đã ngủ, bỗng tôi chẳng liên quan gì nữa đến giấc ngủ của mày, thì đêm nay mày chịu khó ngủ một mình, tao bây giờ vẫn còn sợ, chắc tao không ngủ ở đây đêm nay được, thôi, ngủ đi Bích, tao ra đồn canh gác tạm vậy.

5.

Anh sáng chói vào mắt làm tôi bừng tỉnh, nhìn đồng hồ đã 7 giờ hơn, chợt nhớ đến chuyện hồi hôm, tôi vội chạy về nhà. Bích đã thức giấc và đang rửa mặt, thấy tôi Bích hỏi ngay:

— Ê mày! đêm qua mày đi đâu mà để tao ngủ một mình? mà mày coi này, sao nhà cửa tan tành nát tron vậy?

Giờ thì tôi đã tỉnh táo, biết đêm qua Bích trong cơn mộng du chắc chẳng còn nhớ gì, sợ Bích buồn, tôi chỉ cười và nói cho qua chuyện:

— Mày biết không? đêm qua ở đây xảy ra chuyện khủng khiếp lắm, để tao kể cho mày nghe nhé, đêm qua có tên trộm rình rập sau nhà tụi mình, sao bất gặp, nó sợ quá bỏ chạy, tao rượt nó quanh nhà mình, cuối cùng bị quá nó tông cửa chạy đại vào nhà thế nào mà nó xông vào cái bóng đèn. Trong bóng tối tao vội nó đánh đập tùm tùm kia mày thấy không? vách gần sập rồi đấy, cánh cửa đã đổ từ hôm qua, có lẽ tụi mình phải dọn nhà đi chỗ khác ở quá.

Ánh mắt của Bích chợt nhìn thấy con dao nằm dưới đất, đưa tay nhặt lên, Bích hỏi:

— Ủa? Sao có cái con dao này nữa? mà hình như con dao này của tao mà.

— Dao của mày?

— Ủ! Mày coi đầu này, tao đã bị mất hơn tuần lễ nay, tao cũng không hiểu lý do tại sao nữa, bỗng dưng tao kiếm cả ngày mà không thấy.

Ủ! Đó là của thằng ăn trộm đêm qua đấy, chắc nó ăn cắp của mày, nó tính dẫm con dao này để cạy cửa, gặp tao đá « song phai » rớt ngay xuống đất. Nó sợ quá tâu luôn.

Bích cười:

— Mày ngu thật, thế lúc đó súng đầu mà mày không « phor » nó một phát, gặp tao đem qua thì phải biết.

Chợt Bích nhìn xuống bàn tay trắng trẻo, Bích kinh ngạc:

— Ủa? Cờ tay tao sao thế này?

Tôi cười, đánh lạc vấn đề:

— Thôi! bỏ đi cha nội, bây giờ tụi mình đi ăn sáng đi rồi còn về sửa soạn dọn nhà đi chứ, tay mày trắng là chuyện của mày, nhậu nhẹt say sưa rồi thì trọt đầu đó chứ gì.

Nói xong, tôi khoác vai Bích đi ra cửa, cười cười cho quên một đêm hoang. Bích trong cơn mộng du quá á, tôi trong cơn ảo giác hoang, có lẽ cả hai chúng tôi bị tiêm nhiễm bởi những cái huyền hoặc bóng đêm, Bích đã thế với tôi là chưa uống rượu, tôi cũng đã tự hứa là chẳng dám nghĩ về ma quỷ. Hãy như vậy bình thản cho qua ngày, những ngày buồn của tương lai chúng tôi, những tháng trại trong thời kỳ loạn.

ngy hữu



SAU CÁI CHẾT CỦA...

TÔI chỉ còn nhớ một phần nhỏ của câu chuyện thật dài và ghi lại thật thiếu sót những trang thư, những trang nhật ký của H. của O. lẫn về phép ghé thăm O., được biết một chuyện tình thời chiến được kết thúc thật bí ẩn bằng cái chết của H. trong một trận Vaut Soravong.

1.

... Một mùa Giáng Sinh, rồi hai rồi ba mùa Giáng Sinh đã đi qua, không có anh. Chồng thứ củ, quyền nhật ký, đồ ngụy trang, nón nâu, thế bài kim khí... anh đã lại hết ở đây, anh cho em biết. Nhưng em có thấy gì đâu? Tất cả đã xóa dấu từ khi mẹ dờ lá quốc kỳ phủ kín quan tài anh để thấp bằng nền trắng, tất cả đã xóa dấu từ màn nước mắt em trong ba năm dài muốn chết — nước mắt đã làm con lứt năm này...

2.

Ngày... tháng... năm...

H. yêu dấu một đời,

H. ơi, viết những dòng này cho anh mà em thấy nghẹn ngào. Em không còn mong muốn gì nữa cả, em không còn thấy ham sống nữa. Em chỉ còn một mình anh mà anh không trọn vẹn với em nữa thì... hết rồi, em còn gì nữa để tin tưởng, hy vọng. Em còn nương tựa vào đâu để vui sống nữa anh? Mình ơi, mình phải biết là em yêu mình ghê lắm, yêu đến điên cuồng, đến bất chấp, yêu không cần biết phải quấy trước sau gì hết, chỉ thấy có một mình anh, anh duy nhất anh tất cả, anh không có một cái gì có thể so sánh được. Cả gia đình em, bà má em, em cũng không nghĩ đến bằng anh, thì sinh mệnh này có nghĩa gì đâu. Chỉ vì quá thương anh, em thấy mình trở thành khôn uẩn, lờ lờ, nhò nhò, xấu xa và đáng trách vô cùng. Em không còn là một đứa con cô hiếu trong gia đình nữa trước, em không còn là một đứa em, người chị nhiều tình thương và giàu lòng hy sinh vì anh em như trước. Mỗi chuyện gì em cũng nghĩ đến anh trước nhất. Không một ai có thể bằng anh hết. Ai nói gì với anh, dù chỉ là một lời nói đùa em cũng không bằng lòng, em cũng thấy phiền trách hơn giận người đó, dù em không nói ra. Em không muốn ai động tới anh hết. Anh ơi, thương yêu như vậy đó mà biết anh không thương em, em làm sao chịu đựng nổi. Không phải em không biết gì để đi ghen với dĩ vãng của anh. Vì em cũng biết dĩ vãng của một người đàn ông không quan trọng, chỉ có dĩ vãng của đàn bà mới là đáng kể thôi. Nên nghĩ đừng bao giờ nên đòi hỏi ở anh một điều gì hết, hãy nhận lấy những gì anh cho bằng lòng với những gì hiện có. Dù anh thương ít thương nhiều; dù anh có nghĩ đến ai cũng đừng nói gì hết. Nhưng làm sao được hở anh? Em thương anh quá; thương hơn tất cả những gì trên đời này, lúc nào em cũng muốn anh là của em, của riêng một mình em thôi, anh phải dành hết cho em cũng như em cũng chỉ biết có một mình anh. Cho nên biết anh đến với em không bằng tình thương thật sự, em làm sao chịu được mà không đau đớn, không khổ sở hở anh? Một mối tình, một tình yêu đến có thể tiến tới hôn nhân, sắp tới hôn nhân đâu phải là một mối tình nhỏ, Phải yêu nhau nhiều lắm mới tình cưới nhau. Trời ơi, một mối tình như vậy quên nhau được sao? Hơn nữa tại người ta chết chứ đâu phải phụ phàng gì anh mà anh quên được dễ dàng. Không quên tức là còn nhớ. Còn nhớ thì làm sao anh yêu được em? Làm sao anh đến với em bằng tình thương cho được chứ. Anh ơi đừng đối xử với em vô tâm như vậy, tình thương của em thế nào chắc anh cũng biết, đừng lừa dối, đừng nhân tâm chà đạp, bóp nát, coi thường mà tội lỗi lắm. Tội nghiệp cho em anh ơi, em có tội gì không, em có gì đáng trách đối với anh để anh dửng dưng em như vậy không. Nói đi, nói đi rồi em nhận lãnh hết, dù có phụ phàng thế nào em cũng chịu, không buồn, không trách.

Anh, có khi nào anh nghĩ rằng em đôi khi quá nhiều ở anh không? Anh đã chính thức cưới em làm vợ, đương nhiên đủ thế hời, muốn hay không, anh cũng là chồng của em rồi, không mất mặt đâu mà sợ. Còn đôi khi nữa, anh có nghĩ thế không? Anh đã làm, em không cần chừa. Nếu cần có chồng em đã có lâu rồi. Vì một người chồng rất dễ tìm, chỉ cần người đó không phải là đàn bà là có thể làm chồng rồi. Làm lại, em không cần chồng. Em chỉ cần một người thương và hiểu em, cần một tim hồn của người bạn, một sự hòa hợp cảm thông đúng nghĩa để an ủi, chia sẻ, để đặt nhau trên đường đời nhiều đau buồn này. Anh đến với em bằng một đám cưới, bằng bốn phận của một người chồng, đã rồi sao? Không, em không cần như vậy, em chỉ cần được thương thôi. Anh, anh thương người ta làm phải không? Người ta chết anh khổ sở làm phải không? Chính anh Trí và anh Liêm hết lời an ủi, khuyên lơn anh mà. Anh, hết rồi phải không? Tình yêu của anh chết theo người đã mất. Còn gì nữa đây trời ơi! Anh ơi, em muốn chết, chết để không còn biết đến một sự xa cách nào hết, chết để không còn biết đến một

sự phụ phàng lừa dối nào hết. Không còn trước tượng ảnh mắt anh nhìn người ta cười nói vòng tay anh ôm người ta, nụ hôn anh dành cho người anh... đêm cuối, chết để không còn biết nghĩ đến mà tan nát cả hồn. Anh ơi, em làm sao chịu nổi, hình phạt nào nữa, đau đớn đau không anh?

Anh đến với em bằng một nửa hôn đã lạnh, đã chai đá hết thương yêu. Em đến với anh bằng thế xác không nguyên vẹn để bây giờ ôm khổ đau mà hờn trách cũng ngại ngần.

Anh biết cho, yêu anh là vì em yêu anh, vì chính anh, chứ không phải vì những phụ thuộc bên ngoài cái vỏ chung quanh. Yêu anh từ ngày anh còn ở Đà Nẵng, theo dõi những bước chân anh, những nhọc nhằn, gian khổ của anh, em đã hiểu anh và yêu anh từ đó. Yêu anh vì cuộc sống lang thang của lính, sống cuộc sống không phải của mình với nhiều bất mãn, bất toại trong lòng. Dù xa nhưng lúc nào em cũng nghĩ về anh bằng những ý nghĩ đẹp và thương mến nhất. Rồi về Nam, cuộc đời anh cũng chưa có gì thay đổi, vẫn sống vậy trước cái kiếp của người khác, mình được gần nhau hơn, hiểu nhau hơn và yêu hơn. Em hiểu anh và yêu anh nhiều lắm, trong tình yêu đó em tự nguyện là phải bù đắp một cái gì cho anh. Em muốn lo lắng cho anh để đến lại những vật đã đi qua của anh. Vì thế, bây giờ những toán tính tương lai là vì anh hết.

Anh ơi, anh phải hiểu cho em nếu không yêu anh em đâu có khổ sở như thế này. Em nghĩ đến cái chết, khi em không còn nữa, anh sẽ ra sao, anh có buồn không? Chết em thấy gần gũi với nó cũng, Một cái với tay là em có thể thực hiện được. Em đâu có sợ anh. Đời em bây giờ sống là vì anh vui là vì anh anh; mà xa là với em thì em còn gì. Nhưng nghĩ đến anh, là em không chết được. Trời ơi, màu áo của anh hương thuốc của anh mùi da thịt của anh, hơi hương nồng nàn yêu dấu của anh còn đọng trong chân chiều này, trong gối mềm này, trên giường này, còn mới quá như mới hôm qua, như mới hôm nay làm sao đã đành dứt bỏ, làm sao xa lìa, đoạn tuyệt cho đành. Trời ơi, ánh mắt nhìn, vòng tay đan, hơi thở ngọt ngào hương thuốc. Anh ơi, em có bỏ được, không, có xa được không?

Anh đừng giết em bằng sự dửng dưng này, đau đớn lắm. Cũng đừng an ủi gì em, bởi em đã hiểu vì sự thật đã như vậy, có nói gì cũng thêm đau lòng. Em đi sẽ không báo tin và anh cũng đừng tìm cách liên lạc. Em không trở về đâu. Em phải đi để quên, em phải xa nơi này để quên. Em biết đi làm anh buồn nhưng em khổ quá. Anh đừng trách em tội nghiệp, em không còn suy nghĩ được chuyện gì hết, em muốn chết.

Lạy anh, anh tha thứ cho em. Anh yêu dấu ngàn đời của em. Dầu chết đi em cũng không bao giờ quên được anh chứ đừng nói là hết yêu anh. Đừng giận đừng trách em nhà anh. Càng khổ sở, em càng thương anh nhiều hơn, em không thể quên được H. Ơi Cũng như không thể quên được những gì anh đã dành cho người khác, những mối tình không phải là tình có thoáng qua như anh nói mà thấm thiết đi đời. Còn em chỉ là một kẻ ăn mày bần thủ và hèn hạ. Làm sao chiếm được lòng yêu của anh, vậy mà mấy ngày ở bên nhau em có tưởng là anh thương em, em đã không nhéo với anh, để được anh thương yêu, chịu chuộng. Đau xót cho em; em đã làm trở cười cho anh, chỉ làm cho anh bức mình. Anh, em xin lỗi anh, anh tha thứ cho em và đừng bức mình, đừng giận hờn vì em biết, tội nghiệp em nhà anh. Em có biết gì đâu, em có hiểu gì đâu, em...

Nhật ký của H. ngày... tháng... năm...

Không làm sao nói hết được nỗi ray rứt này, anh cứ nằm vùi đi về em, tưởng về những đêm em khóc cười, hôn giận. Trên khắp cùng thân thể em, những dấu hôn của anh có làm em nhớ, thì chắc cũng như nỗi nhớ của anh bây giờ mà thôi. Nỗi nhớ thật lạ lùng, mỗi lần nhớ về là mỗi lần như khám phá thêm những mới lạ khác. Đôi khi anh thấy em cho vào trên ngọn núi cao gió hú, đôi khi anh thấy em trong rừng cấm mặt mừng, tôi khi anh thấy em

(Xem tiếp trang 14)

Vài đoạn dẫn nhập

Những kho tàng chưa khai thác hết :

A I cũng biết văn học dân gian với tục ngữ, ca dao, hò, vè, truyện tích... là một kho tàng vô cùng phong phú chưa được khai thác đầy đủ. Những gì ta đã được đọc, được nghe chỉ là một phần nhỏ của toàn khối vĩ đại đang tiềm ẩn trong dân chúng ở khắp mọi nơi qua những biến chuyển cực kỳ phức tạp của xã hội ta từ trước và nhất là trong khoảng vài chục năm gần đây. Và ngày nay, trong khi những tầng lớp trên của xã hội đang làm và hưởng thụ văn nghệ bằng sách vở, báo chí, rạp hát, phòng triển lãm, truyền thanh, truyền hình... thì quảng đại quần chúng vẫn từng giờ, từng phút làm và hưởng thụ văn nghệ theo lối riêng của họ : trao đổi bằng miệng những câu hò, điệu hát... Họ tự sáng tác hoặc vay mượn của người khác để tỏ bày những sắc thái uyên chuyển, tế nhị trong đời sống tinh thần của họ — Như vậy, nền văn học dân gian vẫn diễn tiến và phát triển không ngừng, mỗi ngày mỗi tích lũy thêm châu báu vào cái kho tàng đã quá giàu có mà không một cá nhân, một tập thể nào có thể khai thác hết nếu không có những phương tiện và phương pháp thích ứng.

Sự kiện văn học nói trên cũng đúng khi áp dụng cho nền văn học bác học sử dụng văn tự để truyền đạt. Tôi không rõ những văn nghệ sĩ xưa (trong văn học chữ Hán và chữ Nôm) của ta đã dùng phương tiện nào để phổ biến rộng rãi những sáng tác phẩm của họ. Có lẽ nhờ những bìn khắc trên gỗ (mộc bản) hoặc bằng cách chép tay. Những phương tiện thủ công nghiệp khiếm tốn này dĩ nhiên hạn chế rất nhiều việc phổ biến và do đó cũng góp phần quy định quan niệm sáng tác của người xưa nữa. Thực ra, tiền nhân chúng ta có xem việc văn, làm thơ... là chủ yếu để truyền đạt tình cảm, tư tưởng của mình càng rộng rãi càng tốt ngõ hầu được chia sẻ, thông cảm, tán thành... như quan niệm thông thường của chúng ta hiện nay không ? Một quan niệm như thế phải gắn liền với việc ăn lộc và những phương tiện truyền thông thích nghi, tất cả đều là sản phẩm của Âu Mỹ chứ một Nguyễn Du, một Đoàn Thị Điểm hay xa hơn nữa... Bạch cư Di, một 24 Quẻ Trung... đã viết truyện, làm thơ, dịch văn... có lẽ chỉ vì một nhu cầu tự nhiên như con chim phải hót cái hoa phải nở. Sau đó, vì những thi văn này có những điểm đặc sắc nên mới được sao chép cho những người lân cận cùng xem và chỉ có hoàn cảnh đặc biệt mới được ấn hành để phổ biến và lưu truyền một cách hạn hẹp. Nếu nhận xét trên đây là đúng thì ta phải khẳng quyết rằng, từ muôn đời, kể từ trước cũng như người thất học lúc nào cũng bị thúc đẩy bởi nhu cầu làm văn, làm thơ (hay đọc văn, đọc thơ) một cách hết sức tự nhiên và khi có điều kiện thuận tiện thì họ sẽ viết ra thành chữ hoặc nói ra thành lời, cũng một cách hết sức tự nhiên — Sự kiện này dẫn ta đến một kết luận quan trọng : như vậy, những sáng tác phẩm của họ làm sao ta biết được hết ? Và những cái họ truyền đến được cho ta đọc ngày nay chắc cũng chỉ là một phần nhỏ của cái kho tàng mênh mông đã vùi lấp với thời gian và những biến cố. Cho nên, nếu xét kỹ, ta không thể cho rằng nền văn học của ta là quá nghèo nàn (vì lượng và chất của tác phẩm) mà, trái lại, ta phải kính ngạc và ngậm ngùi về bao nhiêu châu báu đã không nhờ những điều kiện tốt đẹp như ở Âu Mỹ để được phổ biến rộng và lưu truyền xa cho ngày nay ta được chiêm ngưỡng và thưởng thức.

Đi tìm những kho tàng :

Ở QUÊ tôi (và có lẽ cũng như ở nhiều thôn xóm miền Nam) hiện nay dân chúng không còn sinh hoạt văn nghệ một cách sôi nổi như thời tiền chiến. Họ không còn được thính thoảng xem

hái bội tại đình làng hay miếu xóm trong dịp xuân về hay trong những ngày lễ lớn không còn được hát * nhân tình, nhân nghĩa ở các chòi múa, các rạp gia với, khi đập lúa, khi làm lụng ngoài đồng hoặc bơi thuyền trên sông... Tuy nhiên, kể cả dịp lễ họ đặt thơ đặt vẽ hoặc ngâm hay kể cho nhau nghe những câu hò, câu hát, những truyện xưa tích cũ và nhiều người đời đã về chiều sức nhờ lại hồi còn thanh bình, son trẻ, tí tở kể lại cho con cháu những chuyện hát hò vui thú xưa như những huyền thoại xa xôi đắm chìm trong dĩ vãng và tôi nghĩ nếu có ai bỏ công sưu tầm và ghi chép lại một phần của những sáng tác ấy thì cũng đã làm giàu cho nền văn học không phải là ít.

Về phía những người có học, chắc ở đâu cũng còn sót lại ít nhiều nhà nho hoặc một số có học mới nhưng kiến thức đã dừng lại ở thời kỳ Nam Phong, Tiếng Dân... Theo truyền thống, các vị này đều làm thi văn trong những dịp hiếu hỉ, thù tạc và nhiều khi cũng để cập đến những vấn đề cao xa hơn như vịnh cảnh, vịnh sử, vịnh thời cuộc hoặc tỏ bày tâm sự n... Nếu chịu khó tiếp xúc và lắng nghe họ, ta sẽ phải ngạc nhiên về sự đa dạng trong tư tưởng và tình cảm của họ. Và trong những sạn sỏi—rất nhiều sạn sỏi—đối lại ta cũng thấy lóe lên những ánh

lâm ruộng, dạy học và đôi khi cao hứng thường làm thơ văn để tỏ bày tâm chí của mình.

Thư văn cụ gồm nhiều thể cụ, loại, rất sơ trường về thơ Đường luật nhưng đôi khi cũng sử dụng lối hò, vè... giọng điệu rất bình dân. Đề tài trong thơ văn của cụ cũng rất phong phú: từ những bài vịnh cảnh, vịnh vật đến những bài tự vịnh, vịnh sử vịnh thời cuộc... và dĩ nhiên cả những bài chỉ có giá trị xã giao, thù tạc nữa.

Sau đây, tôi chỉ xin ghi lại đôi nét về một vài loại nói trên:

— Về vịnh sử, cụ đã viết Sơn tinh Thủy tinh về hai bà Trưng, bà Triệu Âu, về Trần hưng Đạo, Quang Trung v...v... B i nào cũng có giọng nghiêm trang và về lại được những sắc thái tiêu biểu mỗi nhân vật có thể đặt bên cạnh những bài ng.rời khác đã viết về loại này mà không mất giá trị.

Trong bài vịnh « Sơn tinh, Thủy tinh », có mấy câu đáng chú ý :

Mây mưa một giốc xuân qua độ.

Sóng gió ngàn thu trận bất bình.

Sức chưa bền Đông bão lợo biếc,

Cây xây núi Tân mầu từng xanh...

Hai câu vịnh Đức Thánh Trần cũng mạnh mẽ và thích hợp .



NGUYỄN VĂN BẢN

NỤ CƯỜI
XU
QUANG

Rửa sạch vết bùn chân ngựa đất,

Reo vang tiếng sấm lười giương thần...

Nói về cái chết của Hoàng Diệu, cụ viết 2 câu tài tình :

Chẳng đợi chung trời cùng giống trắng,

Thà phơi cùng đất tấm lòng son...

Và hai câu kết của bài « Vịnh Quang Trung » ai cũng phải khen là khéo léo :

Xưa nay chân, ngựa nào ai biết,

Ngon bát phê bình đời kể sau...

Trong bài phú « Khuyến nông » cụ tưởng tượng cuộc gặp gỡ và đối thoại giữa một kẻ ngoại dương khuyến người Việt ta nên lo việc buôn bán để làm giàu và một anh cán bộ Việt nam, anh này lại đề cao việc làm ruộng, cho đó là nghề thích hợp nhất cho người nước mình. Nội dung đề tài này có thể là một vấn đề lớn đưa đối diện hai nền văn minh đối lập, một bên thuộc văn hóa nông nghiệp, một bên thuộc công thương, nhưng ở đây tác giả chỉ đề cập đến những khía cạnh thực tế :

một văn tài đa diện

Cụ Nguyễn... (1) sống thanh bạch, suốt đời chỉ

(1) Xin dấu danh tính thể theo sự khiêm tốn của tác giả (Nhưng cụ cũng tự tiết lộ ở một bài trích dẫn sau)

Thế giới trong công thương,
Năm châu người xum xít.
Quyền lợi gây chiến tranh,
Phương trời khói mù mịt,
Trên không tuyền rùa bay,
Dưới nước lặn tàu vịt,
Bom đạn nổ lung tung,
Nhân dân đều tha thiết.
Phải chi lo làm ăn
Đầu đến hao xương thịt

Và cụ kết thúc một cách hóm hỉnh:
Chủ trọng nghề nông tang,
Khen cho... An nam mĩ!

cái u mặc humor «lưỡng Quảng»⁽²⁾

Tuy nhiên, nhìn bao quát các văn phẩm của cụ Nghệ, ta thấy nổi bật một sắc thái độc đáo: ấy là tình cách trào phúng rất... Quảng nam trong thơ văn cụ. Tôi dùng từ «trào phúng» rất... Quảng nam để phân biệt cái cười của người dân xứ «lưỡng Quảng» với cái cười của người ở các tỉnh khác, đặc biệt với cái cười tiêu điều cho toàn dân tộc của các ông «vua-trào phúng» Yết đồ, Tú Xương hoặc Tú Mỡ, Tú Kếu... mà ta quá quen thuộc. Thật ra, không ai biết rõ cái cười Quảng nam nó như thế nào, nhưng cứ nhìn một người dân xứ Quảng bất kỳ là nam hay nữ, bất kỳ là trí thức hay bình dân, ta đều thấy hình như mỗi người đang giấu đi một nụ cười ranh mãnh, tinh quái nào đó và khi có dịp là phát lộ thành những lời khôi hài thô bạo hoặc châm chọc kín đáo. Đó là tính thần trào lộng một phần do truyền thống dân tộc và một phần do bản tính địa phương. Dân xứ Quảng nổi tiếng hay cãi (Quảng nam hay cãi), cãi nhiều khi rất gần nhưng đã «hay cãi» thì phải có óc soi mói, tinh nhạy để cãi cho hay, cho hơn và do đó thấy được cái lỗ bịch của mình, của người nên khi gặp việc trái ý mà không «cãi» được thì thấy ngay tính chất đáng cười của vấn đề và sử dụng ngay cái khí giới của kẻ yếu là bỡn cợt, châm chọc, mỉa mai để phân ông. Cái cười này mang đủ tính thái từ cái cười «bà lớn» thô «tên», cái «cười ruồi» thiếu não đến cái cười nửa mai cay cú, châm chọc độc địa nhưng đôi khi cũng đi dóm tế nhị, hóm hỉnh sắc sảo gần như «cái u mặc» Anh cát lợi.

Riêng cái cười của cụ Nghệ đã được «Nho học» trí thức hóa phần lớn nên nó còn bao hàm một vị đặc biệt.

Trước trường cụ dạy có một cây chim chim ở bóng rất không... thơm, cụ viết:

Sở sở thân cao bóng rợp trường,
Xuân sang hoa nở ngát mùi... hương

Và chắc cụ vụt nghĩ đến những kẻ muốn «lưu cổ vạn niên» nên buông một câu móc nhẹ:

Chẳng thơm cũng... thái, còn danh tiếng

Nhưng cụ lại buồn giùm cho những hạng «hiếu sắc vô hương» không gây được tiếng tăm răm rọt như bọn «lưu xá» kia:

Tốt đẹp khoe chỉ ở hải đường!

Lại một chuyện khác chắc ai cũng thường gặp và thường nghĩ đến: ấy là chuyện đi xe và đi bộ. Đi xe thì vừa khỏe xác vừa sang trọng, còn đi bộ thì không thú vị gì. Hồi trước có một danh từ lai căng để chỉ việc «lết bộ» đó là đi «ô tô mô... chân». Trong thời đại có đủ loại xe chạy vùn vụt ngoài đường mà đi «ô tô mô... chân» thì vừa khổ, vừa... nhục. Nhưng, là một nhà Nho, cụ Nghệ vẫn phớt lờ và còn khoe mình mình có cặp giày rất quý:

Mặc ai xe đạp, mặc xe tay,
Của sẵn ông đây có cặp giày...

HOÀNG ANH TUÂN thơ cho c.k.h.

yêu em, tình đã bạc màu
tiếng chim kết chuỗi giọt sầu âm thanh
nhìn nhau bằng mắt xưa xanh
giếng tam mề gọn bóng hình đầm say
nét mới giờ tanh thơ ngây
lửa hôn cháy hồng ngón tay cợt đùa
vòng ôm lòng đến hững hờ

ngực nghe đau huốt mấy bờ san hô
rồi, khuya muộn tới bao giờ
mức đam mê lại bắt ngờ dâng cao
cuồng quay rung một trời ca
nồng với hơi thở — ngọt ngào bờ vai
mặt trời lửa đã về ngai
khắp châu thân bỗng rộn gai ân tình
vòng ôm thắt lại quanh mình
trút tình anh chuốc ưu phiền ai ân gian
mở tai, hắng bóng canh tàn
khoảng không rộng tới kinh hoàng bóng đêm

Chỉ có cặp giày để lết bộ mà cũng hãnh diện đến xưng «ông» chắc cụ Nghe chúng ta có những lý do cao cả để tự hào về việc đó. Trong xã hội và văn chương ta chưa thấy ai tự hào về việc đi «ô tô mô... chân» cả. Ta nhớ đến văn chương Pháp với ông J.J. Rousseau trong bài «les voyages à pied»

Nhưng Lưu Thoa chỉ nêu những lý do hết sức thực tế, tiêu biểu trong câu: «On part à son moment, on s'arrête à sa volonté» (Người ta đi hay nghỉ tùy thích). Còn cụ Nghệ có một lý do thứ nhất thần tiên hơn nhiều, đó là:

Rộng rộng đường mây thong thả bước

Câu ấy khiến ta nghĩ ngay đến câu tuyệt bút của thi hào Uy Viễn:

Đường mây rộng thênh thênh cỡi bộ...

À, thì ra đi chân mà sướng như vậy đó, sướng như kẻ công thành danh toại đang hiên ngang cất bước trên đường mây phơi phới, không một kẻ phàm tục nào dám chen lấn với mình... Nhưng lý do thứ nhì của cụ Nghệ để «đề cao» việc đi bộ mới kỳ lạ hơn nữa, kỳ lạ vì sát thực tế một cách trần trụi, trắng trợn, không còn chút gì là văn vẻ, thần tiên, theo cụ, đi bộ thì không cần đến các loại xe, mà không cần xe thì:

Ruột không sợ lạnh, vỏ không thay.

Nhưng trong thi văn của cụ Nghệ ba bài (hai bài «đưa ông Táo» và một bài «ông Táo trả lời») có thể xem như ba bài thơ trào phúng có giá trị:

Trước hết, là bài «Đưa ông Táo» thứ nhất;
Hăm ba tháng chạp Táo chầu trời,
Tớ cũng nghĩ trường, được thành thời,
Lành dữ mọi người ông có số,
Dở hay trong lớp tớ ghê «phơi»
Ám dương tuy khác chia đôi ngõ,
Công việc cùng lo hết một đời.
Lý lịch tôi đây ông vẫn rõ,
Ngọc hoàng có hỏi, giúp đỡ lời...

Nói với ông Táo mà nói về số sách, về việc ghi «phơi» (feuille de notes: tờ ghi điểm) trong lớp, về lý lịch... rồi còn mượn nói giùm, nói giùm... thì quả là những «méo mó nghề nghiệp» của một ông giáo điển hình. Và tuy là có ý xin xỏ giúp đỡ điều

gì đó mà giọng vẫn thì ung dung, mở phạm nào ngấm chứa một ẩn ý khó đoán biết. Cụ Nghệ sắp sửa xin gì đây? Có đọc bài «Đưa ông Táo» thì mới ta mới rõ.

Ngọc hoàng có hỏi, giúp đỡ lời:

Rằng sự Nghè Nha cũng nực cười...

Cụ Nghệ đã xưng danh nhưng dùng chữ «sự» (sự Nghè Nha) một cách kỳ cục làm ta cũng nực cười. Nhưng cái «sự»: Cụ Nghè nó nực cười ra làm sao? Đây, cái «sự» của cụ chỉ như thế này:

Lương đã bán rồi, còn hạn lãnh,

Cơm chưa trả đủ, vẫn còn xơi.

Các thầy giáo đã từng đau khổ vì «kiếm tiền», «song hành» hiện nay xin hãy đọc lại 2 câu này, những mà đau khổ ấy mà coi! cho hay xưa hay nay, cũng vậy, cái nghề «bán cháo phôi» thanh bạch và bạc bẽo này vẫn là như vậy.

Nhưng đến hai câu luận thì «nụ cười» của «lưỡng Quảng» mới xuất hiện toàn vẹn trong ý tưởng, ở chữ dùng và cả trong âm điệu:

Con bầy dê, đã già còn muốn...

Kiếp thấp vẹt, mà rá cũng chơi.

Và đến 2 câu kết cụ mới cho biết rõ việc cụ nhờ ông Táo xin với Ngọc Hoàng, mới nói rõ chủ ý đưa từ bài trên xuống xuyên qua những câu tự trào hóm hỉnh vừa trình bày. Lại lòng nhất là ta lại sẽ bắt gặp ở đây cái chủ ý phổ biến của khắp trong cái xã hội kim tiền đáng buồn này:

Tết nhất chi chi chưa có cả,

Xin Ngài trợ lão một đôi mươi...

Trời đất! Nhè Ngọc hoàng mà mượn tiền! Mà tôi một cái là không dám nói rõ muốn mượn bao nhiêu, chỉ lừng lờ ba tiếng «một đôi mươi», thái độ đúng tâm trạng tôi nhục, đau khổ của tôi «muối mặt» đi vay mượn. Cách cụ tự xưng trong 2 bài này cũng rất lạ: trong bài thứ nhất, trước hết dùng chữ «tớ» có vẻ thỏa thuê, tự mãn (tớ cũng nghĩ trường, tớ ghê «phơi») rồi đến chữ «tôi» khiêm tốn (lý lịch tôi đây); qua bài thứ nhì, bắt đầu bằng cách xưng hân tên và trước vì khá ngang nhiên (rằng sự Nghè Nha) để cuối cùng khi nêu ý xin mượn tiền thì lại «bỏ nhỏ» bằng chữ «lão» và cũng tội nghiệp, lại thêm chữ «trợ» (trợ lão) như để tránh nói thẳng việc xin giúp đỡ, xin vay mượn quá tải nhục đối với mình!

Trước những lời thành tâm cầu khẩn của cụ Nghè, ngài «Đổng trụ tư mạng» đã trả lời ra sao? Bài «ông Táo trả lời» sau đây có thể xem như tuyệt tác vì lời khéo léo, ý thâm trầm lại được một giọng đi dóm, «u mặc» đặc biệt:

Ông Táo trả lời:

Mấy bữa mình lên chôn «thượng» dâng,

Trên trời coi bộ cũng... khổ ran..

Anh Ngưu bữa trước đi cặm hàng,

Chị Chức phen ni biếng dệt hàng,

Bác đầu, Nam tào ngồi cá sủ,

Hàng Ngà, Vương mẫu chạy lang thang,

Từ bi... càng thêm tăng,

Cũng... mình xuống thế gian.



(2) Tác phẩm «lưỡng Quảng» và «lưỡng ttn», nguyên chỉ là một quyển, mới chia cắt do sắc lệnh số 862 v.v., ngày 31-7-1962



IX) Chợ đen sắc thần ở Bến Nghé.

NGUỖN HỮU KINH thiết lập hành chánh công thì lúc khắc có làng trù mật ngay, vì các làng ấy vốn đã có, rồi, chỉ thiếu hành chánh hương thôn mà thôi, và hành chánh mà họ Nguyễn lập ra, chỉ là một cuộc hợp thức hóa cái gì đã có rồi.

Thủ phủ như là vùng Bến Nghé, không phải vì đó nơi đất tốt, mà vì Bến Nghé là đất mà dân ta định cư lâu đời nhất 1623-1698, 75 năm, tình trạng bính thì đã có cả thế hệ người Việt Nam sống ở đó rồi, Thuở xưa là cưới vợ lấy chồng sớm hơn ngày nay thì 25 năm là một người đã có con, 75 năm là ba đời người chờ không phải là quá mới như buổi bắt đầu.

Người lớn đã có cháu trẻ con đã có ông bà, chờ không trở lại một thân như vào thời bà Hoàng Hậu Cao Miên gốc Việt mới nâng đỡ ta.

Và vì pha trộn loạn xạ ngần như vậy nên giọng nói của miền Nam không phải là giọng miền Trung, mà cũng không phải là giọng miền Bắc, nó nằm giữa hai giọng đó, danh từ cũng biến bậy cả, Giò, biến thành chả lụa. Đó là món miền Bắc, còn món miền Trung thì bánh khọt biến thành bánh tèo, còn món ăn tạo thì lại là bánh đa lợn trông khi ăn chúng không có dùng tiếng lợn bao giờ hết. Ông bạn đầu nói: *Rửa thì...* Thế họ sau, vốn lưu vong của, chúa Trịnh, nói: *« Thế thì... »* Thế họ để lại chỗ, bất kể cha mẹ, nói: *Vậy thì...*

Dân Nam kỳ vừa là Bắc kỳ lai, vừa là Trung kỳ lai, vừa là Tàu lai, còn Cao Miên lai thì thuộc đó chưa có, hỏi họ xấu người, mà dân ta thì vừa đủ trái gãi chớ chưa dư.

Ta chỉ mới lai Cao Miên chừng 30 năm nay thôi, mà ở phía ngoài, vì phụ nữ ta được nhà giàu Cao Miên cưới còn đàn ông Việt lấy vợ Cao Miên thì tuyệt đối không có từ xưa đến nay, không vì kỹ thi chủng tộc, nhưng vì phụ nữ của họ ở dưới điều trung bình về nhan sắc.

Đến ông ta lấy vợ Chăm rất đông, thì không có vấn đề kỹ thi chủng tộc trong trí óc ta, nhưng vì phụ nữ Chăm nhiều người rất

xinh đẹp họ đẹp, cho đến nỗi lần nào vừa chùa ta thắng trận cũng bắt cung phi Mỹ nữ, đôi khi bắt cả Hoàng Hậu nữa.

Vậy làng xã có ngay lúc thì, và tại vùng Bến Ngủ lưu ta đã thành lập 40 làng, vừa được Nguyễn hữu Kinh hợp thức hóa. Một số làng đó, nay vẫn còn tên, và tên làng biến thành tên Kha phố ngày nay, thí dụ làng Tân, Kiềng, nay vẫn còn được gọi là xóm Tân Kiềng nằm giữa Trần Hưng Đạo và Võ Tánh. Còn nhà báo KH thì hình như là nằm lại làng Cầu Quan xưa kia cái đình vẫn còn đến ngày nay, và bị biến thành rạp hát bội.

Thờ thần làng là tôn giáo chánh của ta mà có người lầm với thần thần hoàng của Tàu, nó khác hẳn với thần của ta. Thần làng của ta là thần hương địa phương hoặc thần nhân vật không là anh hùng, nhưng có làm gì ích lợi, hoặc độc đáo trong làng. Nhưng đến một trái vừa nào đó, hình như là đời Trần thì, vừa ta công chức hóa thần làng: bắt các tăng thì công thần của nhà vua mà đã quên tiền.

Như vậy, khi một làng được thành lập họ phải xin với nhà vua một vị thần cho họ có biết ông quản nào đã chết được phong thần, mà chưa có công việc làm ăn, tức là một thứ bộ trưởng vô nghiệm số.

Nhà vua sẽ cho họ một cái sắc viết trên giấy lệnh (Papier impérial) là giấy chế tạo bằng lụa gió rất bền) trong đó ghi rõ tên cùng công của ông quan đã thất lạc chức tước và nhiệm sở, tức được phong thần ở làng Tân Kiềng chẳng hạn.

Cứ vị thần hương địa một đời vua và danh từ thì ở Bến Nghé An đã được phong thần ở Saigon, thì còn gì ỷ ỷ nữa vì thế mà tôn giáo thần làng thượng cổ của ta lu mờ dần dần.

BÌNH NGUYỄN LỘC



Tuy nhiên người dân phải cất đình phải thờ, vì tôn giáo đó chưa chết hẳn.

Nhưng đi bộ từ Saigon ra Huế hoặc Quảng Nam (lúc thời) để xin một cái sắc, rồi ở đó gặp cơn rùa hành chánh của chúa Nguyễn thì đợi cả ba năm cũng chưa có thần sắc mà thờ.

Thành thử trông sự phát sanh ra nạn ăn trộm sắc thần. Các tay trộm này chuyên môn chỉ ăn cắp cổ độc một món đó mà thôi, ăn cắp của những cái đình may mắn, được sắc rồi, đem bán cho những làng, đình đã cũ mà chưa có sắc.

Đã bao khi các triều đại ta chỉ phối cả thần thánh, thì thần thánh không còn giá trị bao nhiêu đối với tâm linh của dân chúng, vì thế nên làng nào cũng sẵn lòng mua, hóa ra làng Tân Định mà lại thờ sắc phong thần cho ông quan X tại làng Gò Vấp.

Một lẽ nhà mà các hương chức hội tạ mua cái thiêng liêng ấy vì nó không còn gì là thiêng liêng nữa cả các làng được thành lập thêm quá nhiều mà chúa Nguyễn đi làm gì mà có làm quan tạ thế, thành thử các chủ cai, thầy đời cũng được thay thế. Dân thấy thế đâm chán, cứ mua càng không

thèm xem coi ông thần đó có xứng đáng hay không, miễn có sắc thì thôi.

Danh từ Chợ đen mà chúng tôi dùng không đúng vì kẻ trộm không có giấu hàng để bán nữa, mà chúng nó bán ngay, với một giá vừa phải cái món hàng đó dân Nam kỳ đặt tên là hàng đen, chứ không phải chợ đen, mà cũng không chỉ riêng món sắc thần, mà chỉ bất cứ món hàng nào của kẻ trộm lấy được trong đêm đen tối, như là trâu và bò.

Hiện chúng tôi thấy một nhà sưu tầm kia có một sắc thần của một làng ở Saigon, có lẽ kẻ trộm chắt bắt đặc kỹ từ, không kịp bán, nên hồ lưu lạc mãi quá tay các tú nhớn cho đến ngày nay. Nhưng phải nhậ nhận rằng quả đó là một bảo vật vì tờ giấy, bắt giữ sơ sài trong một khi hậu cần thấy, mà qua nhiều trăm năm, giấy vẫn còn nguyên, không phai màu, mực Tàu viết chữ cũng thế mà còn dấu son của nhà vua cũng còn tươi tốt như xưa mới đóng. Quả xứng đáng với cái tên mà người Pháp đều dùng để gọi giấy đó Papier impérial d'Adnaff, loại giấy này nổi danh trên thế giới ngang hàng với giấy Navane và các giấy danh tiếng khác của Hoa Lan, Nhật Bản, và Trung Hoa.

Tôn giáo thần làng là tôn giáo chánh của ta nên đình mới được xây cất trước tiên hơn hết, và mới còn đến ngày nay, còn Phật giáo chỉ là tôn giáo ngoại lai; nên nhiều làng, cho đến nay vẫn không có chùa, còn chùa xưa thì cũng cất sát đình rất lâu, và có rất ít chùa ở gần sát lại như đình, vì chưa được xây cất đồ sộ hơn.

Bấy giờ thì cái gì cũng được chánh thức hóa hết, và hợp thức hoá hết, như là Việt hóa hết, từ địa danh chỗ đến địa họ, và địa lý đã đi vào Nam; thực sự, vì ta đã có một miền Nam của nước Đại Việt, những đó là nước Đại Việt riêng của chúa Nguyễn, từ sông Gianh xuống tới Định Tường ngày nay.

Cuộc phản ứng của vua Giản Phở Trại không có kết quả nào lợi cho bên ấy hết, lại đưa kết quả ngược chiều và phó vương Giản Phở Trại bỏ luôn Prey Nokor cho cổ mộc về La Bích cai trị vì phe của ông. Thủ bị thua rồi.

Phó vương Giản Phở Trại bỏ Prey Nokor vào năm nào, không ai hay ra cả, nhưng thành vua ấy chỉ thọ có mấy mươi năm, và ta không dùng nó, vì ngoài chùa chiền, còn thị cung điện chắc cũng chẳng có gì đáng kể nên không còn dấu vết nào hết, trừ các chùa xưa.

Từ đây thì Huế về Bến Nghé liên lạc với nhau không ngắt, không phải chỉ ở cấp lãnh đạo mà dân chúng cũng qua lại với nhau luôn luôn chứ không phải là đi biệt lập biệt tịch như những đám lưu dân đầu.

Họ liên lạc với nhau và bắt lính với nhau nữa mà câu ca dao sau đây cho thấy là hai bên đã mất thiết với nhau lắm rồi:

Chờn nào cạn lạch Đồng Nai

Nát chuông Thiên Mụ mới phai lời nguyện.

Nhưng câu ca dao đó làm cho ta không sao hiểu được giọng nói của miền Nam, đáng lý gì phải giống giọng Huế, nhưng lại giống giọng Hà Nội hơn. Người Hà Nội cả điệu vọng cổ của miền Nam được, Nhưng người Huế thì không.

Có một điều bí ẩn trong sử mà chắc không thể nào ai biết nổi. Lưu dân địa số là người miền Trung theo sử, người miền Bắc, chỉ là thiểu số lại là thiểu số nữa, thế mà cái giọng thì tuy không giống giọng

xem tiếp trang 14

Thân thể người ta chia ra làm ba phần :
Đầu, mình và chân tay...

◎ 6 ◎



Thân thể người ta truyện dài thảo trường

— Thì thế. Mụ cũng còn nghĩ là còn tụi đó nữa ở đầu đây cơ mà như thể tôi lại càng phải tỉnh nó gấp. Anh ta lại quát lên :
— Hai đứa bây có súng bỏ xuống đất.

Nhà tu hành móc khẩu súng lục thả xuống đất. Anh đàn ông lại quát :
— Còn thằng kia.
Mụ Sáu lau châu :
— Có một khẩu à. Khẩu đó của thằng trẻ tuổi kia, tao đã bắt nó phải đưa cho ông thầy tu này.

Anh đàn ông lúc đầu :
— Đừng tin. Tôi đã nói mụ đừng có tin tụi nó. Cái gì mụ cũng tin nó hết có lúc nó cất đầu mụ.
Nhà tu hành lúc đó mới rụt rè lên tiếng :

— Sự thực là như vậy đó. Bà ấy bắt anh này giao khẩu súng cho tôi giữ. Tôi là linh mục tuyên úy...

Anh đàn ông thét lên :
— Linh mục hay đại đức bộ không biết bắn súng sao. Các ông cũng mặc đồ lính, cũng đeo lon mả.

Nhà tu hành cố giảng giải :
— Anh này lúc này tính bất bậ này nhưng tôi đã can ra. Tôi muốn hai bên nên giúp đỡ nhau trong lúc chúng tôi bị tai nạn máy bay này.

Mà sống sót, chúng tôi cũng được biết anh cũng bị nạn. Chúng ta đang lạc trong rừng sâu.

Anh đàn ông cau kinh :
— Con Mụ búp xép cái mồm khai hết cả rồi.

Quay sang nhà tu hành, anh ta nói :

Lạc trong rừng sâu nhưng rừng sâu vẫn là đất của tụi tôi, các anh đang ở trong tay tôi.

Mụ Sáu thấy tình hình gây căng bên chen về nói :

— Thì họ ở trong tay chú mày chứ sao. Nhưng tao nghĩ chú mày cũng chẳng nên khó... Chú mày còn đang đau, bọn họ lại có mang thuốc theo...

Anh đàn ông trừng mắt bảo mụ Sáu :

— Mụ đừng nói gì hết. Tôi muốn mụ hãy làm theo tôi, chỉ làm theo những lời tôi dặn, phải coi chừng tụi nó. Bây giờ chỉ nhất khẩu súng kia đưa đây tôi.

Mụ Sáu cúi đầu bước lại nhặt khẩu súng đem lại cho anh đàn ông. Anh ta cầm lấy rồi ra lệnh cho nhà tu hành và người thanh niên :

— Thật tụi bây không còn súng chứ.

Mụ Sáu lại lạnh nhạt :
— Thật mà.
— Tôi không hỏi mụ.
Nhà tu hành ôn tồn :
— Anh có thể khám xét chúng tôi.

Anh đàn ông nói :

— Bây giờ hai người muốn sống làm theo lời tôi đây. Phải làm nhân nha, không được có ý gì cục cựa lộn xộn tôi bắn nát óc. Nhà tu hành gật đầu :

— Được, anh cứ nói :
— Hai người cởi quần áo ra.
Nhà tu hành ngập ngừng :
— Tôi không còn gì trong mình cả, tôi tu mà...

Anh đàn ông cười gằn :
— Tu. Lúc này mà cứ nói tu hoài. Tu mặc đồ lính thì cũng coi như hết tu. Tu mặc áo cà sa cũng còn phải nghĩ nữa là tu. Kiểu này. Cởi mau ra. Người thanh niên đã cởi bộ đồ xám trên người vứt xuống cỏ. Anh ta chỉ còn mặc chiếc quần xà lỏn và cái áo lót trắng. Anh đàn ông nói :

— Còn cái cục gì đeo trên cổ nữa đó. Người thanh niên tháo sợi dây có đeo tấm băng tên và loại máu bỏ nốt xuống cỏ. Anh đàn ông bắt anh ta tháo luôn cả chiếc

đồng hồ tay. Rồi anh ta bảo Mụ Sáu quơ hết đồng hồ của người thanh niên đem tới chỗ mình. Nhà tu hành lúc đó vẫn đứng xờ rờ chưa cởi quần áo. Anh đàn ông nói móc :

— Cộn cha nữa, thừa cha, cha cầm phiên cởi quần áo ra đi. Chúa Giê su khi sinh ra xuống thế làm người, ngài cũng trần truồng mà, cha mặc cò làm gì. Hay là cha không mặc... đồ lót ?

Nhà tu hành bối rối :

— Tôi nghĩ là anh nên tin tôi. Tôi thật không muốn các anh hại nhau. Tôi đã khuyên nhủ ông phi công này bằng lòng như thế.

Anh đàn ông chép miệng :

— Thì có gì đâu Cha cầm phiên cởi quần áo ra cho tôi xem xét lại cho chắc ăn rồi cha lại mặc vào. Chút xíu thôi mà chết chóc gì mà cha tiếc. Hay là cha bắt tội phải xử tệ với cha.

Nhà tu hành bất đắc dĩ phải cởi bộ quần áo ngoài, anh đàn ông cũng bắt ông ta phải lột bỏ luôn cả đồng hồ.

Mụ Sáu ôm đồng hồ của ông cha đem đặt bên cạnh đồng hồ của người phi công. Mụ lẩm bẩm.

— Đúng ông này là linh mục rồi, da dẻ ông ta trắng quá.

Anh đàn ông lườm mụ rồi quay sang cho phép hai người kia ngồi xuống đấm cỏ. Anh ta nói :

— Ngồi nghỉ đó. Không được đứng lên đấy nhé. Tôi khám quần áo đã.

Anh ta để khẩu súng xuống bên cạnh ngồi chồm hổm lần lượt lục lại bộ đồ của nhà tu hành. Anh ta lấy tất cả giấy tờ cũng như các vật dụng trong túi áo. Gồm một cò trắng hạt, một quyển sách kinh nhỏ. Một cái bóp đựng giấy tờ và tiền bạc, một chiếc đồng hồ. Anh ta giữ lại những thứ đó rồi quăng bộ quần áo cho mụ Sáu :

— Đem lại dăng cha.

Mụ Sáu ôm bộ đồ lại cho nhà tu hành, ông ta có vẻ e thẹn cúi đầu không dám nhìn mụ Sáu. Ông ta mặc nhanh quần áo vào. Anh đàn ông tiếp tục lục lại đồ trong bộ quần áo của người thanh niên. Người thanh niên có khá nhiều đồ lặt vặt. Anh đàn ông lần lượt gỡ ra để một đồng hồ, viết chì xanh đỏ đen, một cái súng bắn xi nhan và mấy viên đạn, thứ này anh đàn ông để riêng ra một bên, miệng lau bầu :

— Vậy mà kêu là không còn súng trong người.

Người phi công nói :

— Thứ đó đâu phải là súng.

Bắn không chết được ai cả. Chỉ để ra dấu hiệu mà thôi.

Anh đàn ông cầm lên xem lại gậy gù :

— Ra dấu hiệu cũng giết người được. Máy bay nó bay ngang mà anh thụt lên một phát, nó nhận ra sẽ xuống cứu anh dĩ nhiên phải bắn tôi, hà hà...

Rồi anh đàn ông tiếp tục lục lại. Một hộp cấp cứu có thuốc có băng có ống chích; anh đàn ông cũng để riêng ra bên những thứ đó. Còn lại cái bóp, trong đựng giấy tờ mấy tấm hình đàn bà có trẻ con có một cuốn tiểu thuyết, mấy cái tấm, một bao thuốc, cái bật lửa. Lục lại hết những đồ trong bộ quần áo người thanh niên để ra xong anh ta bắt đầu coi kỹ từng thứ. Anh ta móc điều thuốc trong bao bật lửa châm hút. Anh ta nghe ngóng lần khợt trong miệng mình rồi lắc đầu :

— Cay cay mùi bạc hà, chỉ là cái gì cả.

Mụ Sáu lạnh nhạt :

— Chú mày cho tao hút thử coi.

Anh đàn ông hút một hơi nữa rồi đưa điều thuốc cháy cho mụ. Mụ Sáu hút lấy hút để mấy hơi liền rồi cũng chết :

— Dở ẹc Thừa thuốc ở xứ mình Anh thanh niên rụt rè :

— Cho tôi xin lại một điều. Tôi thêm quá.

Anh đàn ông trừng mắt.

— Thêm ráng chịu. Ngồi yên. Đừng có lộn xộn mả.

Mụ Sáu quay nhìn người thanh niên ngồi co ro trên đám cỏ. Mụ nói với anh đàn ông :

— Thôi cho nó hút một điều đi chứ mày. Thuốc này có ngon lành gì đâu trông nó ngồi tội nghiệp quá.

Anh đàn ông ngẫm nghĩ rồi móc một điều thuốc châm lửa đưa cho mụ Sáu đem lại cho người thanh niên mụ Sáu hỏi nhà ta hành :

— Ông có hút không.

Nhà tu hành lắc đầu. Ông ta đang lảm rảm cầu kinh. Ông nói :

— Cho tôi xin lại cò trắng hạt và quyển sách kinh.

(Còn nữa)

Đã phát hành :

NGÀY KHÔNG CÓ
MẶT TRỜI

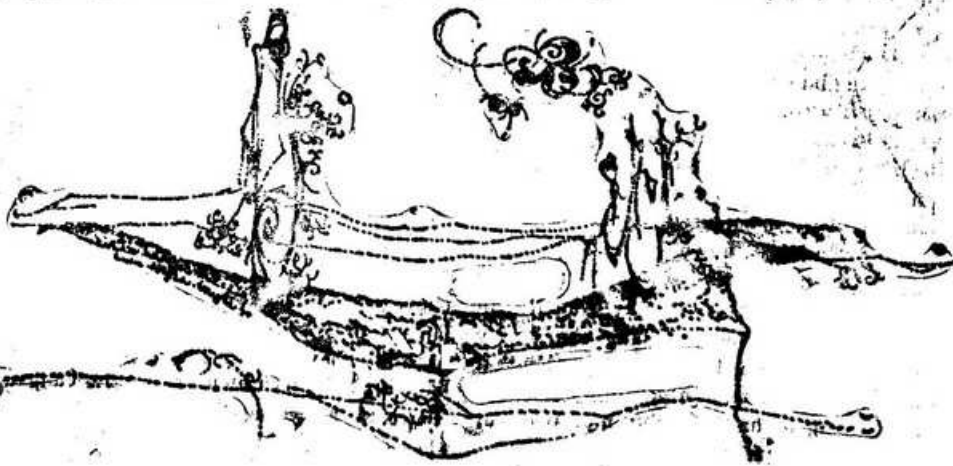
Thơ VƯƠNG-NGUYỄN

Bìa : Hoàng Thụy Kha

Phụ bản : Vĩ Y - Phạm Thăng -

Đặng Giao.

ĐÀ LẠ xuất bản





ĐÔ THỊ HOANG SƠ

Ở Gia nghĩa, nơi chung sống để huê nhiều thế kỷ, giữa đô thị tôi đã bắt gặp những giờ phút xứng đáng cho một cảnh ăn cư khuất tịch nhất.

Có những buổi sáng thức dậy trong tĩnh mịch hoàn toàn: không có tiếng xe cộ, tiếng động cơ nào, trong sương mù chỉ có tiếng gà o o vọng từ ngọn đồi này sang ngọn đồi kia.

Có những buổi trưa, nằm lười trên chiếc ghế bô đặt dưới một bóng cây ngoài vườn, mắt lim dim, tai mơ màng nghe tiếng trẻ con lội tắm đùa giỡn chỉ chớ dưới suối Duk Nong gần đó. Thỉnh thoảng một tiếng la lớn làm giật mình. Trước con mắt bờ ngõ của người vừa thức giấc: một đám mây trắng sáng rực trên đầu một cây chò cao ngất trước nhà, một cặp bướm vàng đuổi nhau bay nhanh qua khu vườn, rồi dừng lại chờ nhau chờ vờn trên bụi cây mép suối: hai con bướm đẹp làm thơ giữa trời, giữa thanh thiên bạch nhật 'Hạnh phúc thật đơn sơ'.

Rồi giấc ngủ trở lại. Trong khi thần trí lơ mơ bên tai văng vẳng tiếng trò chuyện rì rầm của mấy thiếu phụ ngồi trên chiếc cầu doi ra mặt nước hay trên một thân cây gầy nằm là sà sát mặt nước mà giật gù rủa rầy, tiếng rì rầm nghe như xa như gần lúc dứt lúc nổi... Cũng trong khi thần trí lơ mơ, loáng thoáng qua đầu hình ảnh một dáng cây khô toàn xương trên đỉnh đồi, hình ảnh một lần khói đốt rẫy uể oải, như đang mãi miết trầm ngâm hồi tưởng về trăm nghìn câu chuyện huyền hoặc của cuộc sống núi rừng từ muôn vạn năm xưa... hồi tưởng vu vơ trên lưng sợi khói mỏng rã dần, rã dần, tự xóa trong không khí xanh âm thầm li ti với trời xanh về một quá khứ xa vời, như thể lặng lẽ từng buổi trưa dài, như thể ngay trong làng đô thị diễn ra những hồi tưởng âm thầm của cây bãi. Rẫy trong thị xã, vàng, cái lạ đời ấy vốn là đặc điểm của nơi này.

Những buổi trưa như buổi trưa ấy tựa hồ bất tận. Thời khắc biêng biếc, nhân nhả. Khách tha hồ ngủ rồi thức, thức rồi lại ngủ, tha hồ tận hưởng cái thú nhàn dật. Cho đến khi chán chê, khách vươn vai đứng lên, ngo quanh quất bên này bên kia: bên phía sau đồi khói vẫn lơ dờ, bên phía chợ dần ớn vẫn còn bay tan tác...

Đàn em ở chợ Gia nghĩa ấy, vào những tháng xuân tháng hạ, buổi sáng chúng bay thấp tủa lùa như ong, trưa xế, chúng lên thật cao, tản mạn, lơ lửng, tan tát đầy trời, đến chiều, chúng lại hạ thấp như một niềm vui rộn ràng quẩn quít trên óc chợ...

Và chiều, có những buổi chiều, bên cầu Vườn Ương, tôi tưởng chừng đụng đầu với sự Tịch Liêu hiện hình, một Tịch Liêu sừng sững trước mặt mình, cụ thể, cơ hồ sờ mó được.

Khoảng sáu giờ rưỡi, sương bắt đầu đổ. Bầy giờ đường sá vắng vẻ. Không một ngọn gió, không một chiếc lá lay động. Có tiếng con chim gì kêu thưa thớt muộn màng. Một con sóc từ trên ngọn cây tuột xuống, tiến ra tận giữa mặt cầu ván, chạy qua chạy lại, tìm kiếm loanh quanh... Trong lúc đó, tiếng ve phát lên rần rần...

Tiếng ve vào cái giờ ấy hèn giọng suối Dak Ut mới thật lạ lùng. Nó rí rả, thâm trầm, như vừa kêu vừa suy ngẫm. Nó âm thầm, thu lắng. Bất đầu phát ra riu riu, vươn dần lên; đến một lúc, tự thấy sắp trở nên ồn ào, nó giật mình tự hãm lại, rồi bắt đầu một đợt khác rí rả. Như mới giọng suy tưởng hết sức khiêm tốn, suy tưởng miên man, tự phân về một thân phận hèn hiu.

Thật lạ. Tiếng ve là thứ âm thanh khua động mùa hè chói chang. Nó rộn rã, ồn ào. Hăm bảy năm trước có lần lên chơi Bạch mã, đến giờ tôi chưa quên được buổi trưa hôm ấy đứng bên đường nhìn xuống thung lũng sâu thăm xanh ngất, bỗng tai nghe lần đầu phát lên thứ tiếng ve chuồng, khua vang rộn rần, kinh động núi rừng. Tôi cũng không quên được lũ ve hỗn hào nào nhiệt ở Huế làm cho mùa hè chỗ đó thêm phần gay gắt... Không có ở đâu ve kêu như bên cầu Vườn Ương Gia nghĩa: nó kêu như than thán trách phạt, như để tăng thêm cánh quạnh quẽ khuất lấp, như để than vãn một nỗi niềm có tịch...

Rồi đêm đến. Thời hãy đừng nói đến những đêm thăm u không đèn không trăng, hãy bỏ qua chuyện u tịch... Hãy nói qua loa về cái gió mưa ở đây.

Trên Cao nguyên để không có tính nào gió dữ bằng ở Gia nghĩa. Ở Trung nguyên càng không thể có. Ở những thành phố khác, gió bắt quá rung mái tôn, đập cánh cửa, bẻ gãy cây v.v... Gió ở đây, cách xa hàng cây số đã nghe nó lay động âm âm như đoàn công voa xông tới. Trước khi nó ập tới, nó đã ra uy hung lơn.

Ngựa trong phim cao bồi Viễn Tây phải chạy lộp cộp trên sườn núi lởm chởm lam lẫn lóc từng viên đá trái. Ngựa dữ người hách mà chạy lịch lích trên cỏ vườn, trên bãi cát cũng nổi cả hiên ngang. Gió cũng vậy. Gió có cái uy phong của gió. Nó cũng đòi một khung cảnh của nó.



khí tiến đưa người

xa người mới biết lòng yếu đuối
cuộc tình sâu chắc khó mà quên
Đâu phải lạ cảm lòng dễ khó
khí xa người ngồi đứng không yên

tâm lòng em chia rời như khói
lắm lòng ta xanh nước có đơn
cuộc tình sâu ba chìm bảy nổi
ta theo em bỏ mắt linh hồn

bởi như người cầm dao ngại bước
ta theo em như gả hầu cầm
khí yêu người lỡ ra có chết
biết ai là kẻ phải ăn năn?

ta như cây thông già dưới núi
được người ta không đưa sang sông,
rất khổ lòng ta khi chia biệt
phải chờ như chim sáo sồ lòng

• THẨM TÂM

bài vọng

đi mưa tôi chiếc hình thăm
ngồi thu quán đợi tưởng trăm phách khó
khuya cao ngất giọng, chim mù
lẽ loi thân thể ảo dật quên mang
lửa se ngọn bắc lưng vàng
bây trở phủ mộng cuộc bản lý kia
bên người rượu lại hiên che
cánh tay nồng ấm bên lẽ phố sương
mưa trong bọt rượu lần cuồng
mưa quanh phố cận nhạc buồn ret thây
xa người (như hạt mưa bay)
ngồi thu quán đợi rượu cay nửa hồn

ngày mưa

ngày qua mặt kính soi buồn
cuốn như mặt bụi chạy dần hiên mưa
đi về chiếc bóng im thưa
ngước dư khổ nhục cúi thừa tóc rau
ngày xưa cho đến ngày sau
tinh thu một xô cơn đau mấy trời
khí bên người khí xa người
phương ta chiều đứng trong trời muốn mưa

qua cồn tìm vũ

qua đây nghe nhịp sóng nhồi
buồn lay theo cánh nước trời bao la
phố bên kia phố còn là
bụi trong gương nhỏ như ta với mình
cồn lụi tiếp mặt cây xanh
tôi như mắc cạn bãi sóng vắng người



Đạo diễn Phim «Rashomon» Kurosawa tự tử

Akira Kurosawa, đạo diễn điện ảnh Nhật Bản nổi danh thế giới hôm thứ Tư 22-12 đã mưu an tự tử bằng cách dùng lưỡi dao cạo cứa vào cổ tay. Nguồn tin cảnh sát đã loan báo như trên hôm thứ Tư.

Ông Kurosawa, 61 tuổi đã được chở tới bệnh viện gần nhà ở vùng phía tây Đông kinh và được an báo là đang ở trong tình trạng nguy kịch.

Bà Moto Morita, 60 tuổi làm công cho ông Kurosawa đã tìm thấy ông nằm úp mặt trong bồn tắm khi tới đó sáng nay để rửa mặt.

Cảnh sát đã thuật lại lời của bà loan báo ông Kurosawa đã cắt cổ sáu lần và cổ tay 8 lần.

Bà Kiyō, 50 tuổi vợ ông Kurosawa cho biết ông của bà mới đây đã bị khủng hoảng tinh thần nhưng không tỏ dấu hiệu là ông có ý tự tử.

Ông Kurosawa đã được cả thế giới biết tiếng vì cuốn phim «Rashomon» đoạt giải thưởng tại hội điện ảnh Venice năm 1951. Tài tử Toshiro Mifune đã đóng vai chính trong cuốn phim này.

Các tác phẩm điện ảnh bất hủ khác của Kurosawa là «The Seven Samurai» (7 võ sĩ đạo), «Yojimbo» (Người cận vệ), «The Red Beard» (Ông râu đỏ) và «Donzoko» (Tận đáy lòng).

Cuốn phim đầu tiên của Kurosawa là cuốn «Sugata Sanshiro» nói về các lực sĩ như đạo lừng danh Nhật Bản, mà ông cho ra đời vào năm 1943.

Cuốn «7 võ sĩ đạo» đã thành công đến nỗi, chính Hollywood đã phải quay một cuốn phim dựa theo cốt truyện của cuốn phim này, với tài tử đầu trọc Yul Brynner thủ vai chính, mà trong nguyên bản của Nhật, đã do tài tử gạo cội Toshiro Mifune thủ vai chính.

Con trai đạo diễn Kurosawa 26 tuổi cho biết ông anh ta không hề biết lý do của vụ tự tử của cha anh và chính anh cũng không thể ngờ đến được, trước đó vài giờ, anh còn thấy vui vẻ nói đùa với anh.

Con trai đạo diễn Kurosawa là một ca sĩ và diễn viên truyền hình.

ĐỒNG NAI

đã phát hành hai tác phẩm

CÁM ƠN ĐỜI và

HÀNH TRANG

của CAO-TỬ

HIỆN ĐẠI

Đã phát hành

MÙA XUÂN ĐEN

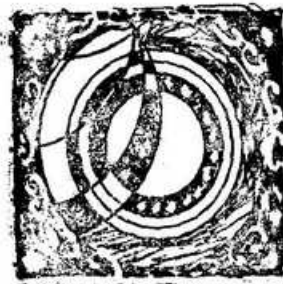
của HENRY MILLER

Henry Miller đã viết rất nhiều tác phẩm? Trong số này (MÙA XUÂN ĐEN) quan trọng nhất.

Webster Schott,
KANSAS CITY



THƯ VIỆN QUỐC GIA



Tọa lạc trên khu đất, 7.000 thước vuông tiếp giáp với các đường Gia Long, Công Lý, Lê Thánh Tôn, và Nguyễn Trung Trực, Thư Viện Quốc Gia là một công trình kiến trúc đồ sộ hoàn tất với kinh phí gần 180 triệu đồng và được Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đến cắt băng khánh thành sáng nay 23-12-71.

Thực hiện qua bao giai đoạn khó khăn

Ý niệm thực hiện một Thư Viện Quốc Gia đồ sộ đã được đưa ra từ năm 1955 dưới thời đệ I Cộng Hòa. Bộ Giáo Dục đã lập một đồ án Trung Tâm Văn Hóa trên khu đất trên mà quen gọi là «Khu Khám Lớn cũ».

Đồ án này gồm có các Thư Viện Quốc Gia, Trường Đại Học Văn Khoa, Trường Đại Học Luật Khoa và Trường Quốc Gia Hành Chánh. Tuy nhiên sau khi xây cất xong Trường Đại Học Văn Khoa, nay là trụ sở cho Khối Văn Hóa. Chánh Quyền lúc bấy giờ lại bỏ ý xây hai Trường Luật Khoa và Quốc Gia Hành Chánh, nhờ vậy mà trọn khu đất đã dành cho Thư Viện Quốc Gia, làm cho cơ sở này có một khung cảnh khoáng trang như chúng ta thấy hôm nay.

Nhưng mãi đến năm 1959, ngân khoản, đầu tiên 11 triệu đồng mới được cấp và tám năm sau, đúng vào tháng 5 năm 1967, Chánh Phủ mới chấp thuận cấp thêm cho Bộ Văn Hoá mới thành lập một ngân khoản 120 triệu, dưới hình thức ngân sách chương trình.

Vấn đề tiền nong giải quyết xong, tiếp theo là việc thiết lập đồ án giao cho hai kiến trúc sư Bùi Quang Hanh và Nguyễn Hữu Thiện phụ trách, với sự cố vấn kỹ thuật của Kiến Trúc Sư Lê Văn Lâm nguyên Tổng Giám Đốc Nha Kiến Thiết và Thiết Kế Đô Thị.

Việc chuẩn bị như thế kể đã xong và công tác xây cất có thể bắt đầu trong năm 1961, Nhưng một ít trở ngại đã xảy ra, quan trọng nhất là việc giải tỏa khu đất mà nhiều đoàn thể và tư nhân đã ngang nhiên chiếm ngụ trong thời gian dài bỏ trống.

Sau khi nhậm chức Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa. Ông Mai Thọ Truyền đã cho mở công trường và một buổi lễ đặt viên đá đầu tiên được đặt dưới quyền Thủ Tướng Trần văn Hương, nay là Phó Tổng Thống, vào ngày 28-12-1968, Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa đã gặp phải nhiều phản ứng có khi mãnh liệt trong việc trực xuất những người chiếm cứ bất hợp pháp.

Một Thư Viện theo tiêu chuẩn quốc tế

Thư viện mới hoàn thành toàn khu bao gồm rào cổng, nhà gác đàn, nhà xe, hoa viên, cổng rào, điện nước, công tác đã đòi hỏi gần ba năm trời. Trong khoảng thời gian khá dài này, nhiều biến chuyển về vật giá đã tạo nên những khó khăn và tốn kém thêm năng tổng số chi lên đến 177 triệu, trội hơn số dự chi ban đầu 46 triệu. Số phụ trội này đã được trang trải trong hai tài khóa 70 và 71.

Tân Thư Viện chỉ làm hai khối, gần như phân biệt. Khối thứ nhất là một dãy nhà dài 71 thước, ngang 23 thước, gồm một tầng hầm một tầng trệt và một tầng lầu. Khối thứ hai, nằm ở Trung Tâm vuông vức và vọt lên như một ngọn

tháp 14 tầng cao 43 thước, trọn dành làm kho chứa sách. Tính chung hai khối, diện tích hữu dụng là 7.070 thước vuông, và để hoàn thành nội hai khối này, nhà thầu Huỳnh Học đã dùng 100.000 công thợ, 500 tấn sắt đủ loại và 27.000 bao xi măng nặng 1350 tấn.

Tân thư viện gồm có phòng danh dự và các phòng đọc sách, phòng đọc báo phòng triển lãm, phòng nghiên cứu, phòng thư mục, đều đặt ở tầng trệt và tầng lầu 1 để công chúng tiện ra vào, còn kho chứa đồ bản, phòng vi phim, kho bảo chi, phòng nạp bản, phòng nhận sách, phòng phân loại và quán giải khát được đặt ở tầng hầm. Các phòng làm việc của nhân viên thì tùy nghi được sắp xếp rải rác ba tầng.

Lên tháp chứa sách phải dùng một thang máy, cạnh bên có một hệ thống thang thường, còn việc đem sách lên xuống thì nhờ vào một thang rất chạy điện.

Còn phải tốn thêm 60 triệu nữa

Nhưng tới đây chỉ xong cái vỏ bên ngoài. Muốn trang bị đầy đủ, và xứng đáng còn phải cần một số kinh phí phòng ước độ năm sáu mươi triệu nữa. Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa hy vọng được phép ghi làm hai ba đợt trong ngân sách kể từ 1972.

Ngoài ra còn việc gia tăng kinh phí điều hành: Lương bổng cho nhân viên các hạng phải nhiều hơn xưa và được huấn luyện đặc biệt, mua sắm dụng cụ, máy móc và vật dụng đủ loại duy trì và sản sóc hoa viên và nhất là mua thêm sách. Số 90.000 quyển hiện có còn quá nghèo nàn và hằng niên kinh phí chắc chắn sẽ mỗi lúc mỗi lớn, có thể làm ngạc nhiên nhiều giới chưa có dịp quan sát sự hoạt động của một thư viện theo quan niệm hiện nay.

Theo Quốc Vụ Khanh Mai Thọ Truyền thời kỳ thư viện với nhiệm vụ khiêm tốn là tàng trữ sách báo cho khách nhân rồi đến đọc xem giải trí đã qua. Vai vưởng của một thư viện tân thời rất là phức tạp, đó là nơi tập trung tinh hoa tư tưởng và học vấn của năm châu, đó phải là một cơ quan có chức khoa học (nhân viên từ cấp Chủ sự Phòng trở lên không còn là những người chỉ biết hành chánh mà phải là những cán bộ am tường ít nhiều Khoa Thư Viện Học, ít nhất phải có bằng cử nhân và giỏi sinh ngữ).

Thư viện Quốc gia mới còn có khả năng cung cấp tài liệu mọi môn cho sinh viên hiếu học và các nhà khảo cứu, còn phải là một Trung Tâm trao đổi sách vở với các thư viện lớn ở ngoại quốc, để phong phú hóa thư tịch của mình đồng thời quảng bá nền văn hóa nước nhà. Ngoài ra, thư viện còn phải được trang bị thế nào để đầy đủ điều kiện bảo tồn những tác phẩm, những báo chí lưu trữ, đừng để mất mát, hư hao vì thời tiết hay một mối, và phóng ảnh những tài liệu công chúng yêu cầu, làm vi phim những tác phẩm, quý giá và tàng trữ vào một nơi có không khí điều hòa, lại phải có thêm máy đọc và máy phóng đại những tài liệu này.

Nói tóm, cuộc đầu tư 177 triệu tới ngày nay chỉ là bước đầu. Còn phải nhiều cuộc đầu tư khác quan trọng hơn để hoàn thành, điều hòa, duy trì và phát triển, nếu Chánh Phủ muốn tân Thư viện thủ đúng mức vai vưởng bộ óc khổng lồ của Quốc gia.

Tiếp theo trang 5

Hàng ngàn hàng triệu vì sao. Không khí trong vắt. Gió thổi mát. Phía cuối dốc nghiêng, ngang ngửa... rộng, những chiếc xe bật đèn nổi nhàu nhàu, về những ngọn đèn cảm lạnh dọc mái phố 'bếp' kia, đám ba đảng người quang gánh lần khuất. Chúng tôi đi tới, từng lúc đứng lại hôn nhau, nụ hôn theo cánh tay cuồng quật nổi dài trên những bước chân xiêu lạng muộn ngả. Sau chúng tôi, giữa bóng tối đục mờ, thanh toán cửa ngõ xong, vợ chồng Trung cũng đang đi ra.

Đến đường lớn, cả bọn đang đứng đợi nhau, chuông nhà thờ lại đổ.

— 6 giờ phải khờ ư, Trung?



những chuyến khởi hành vào nam

Tiếp theo trang 10

Bắc, nhưng gần với giọng Bắc hơn vì tánh cách nhẹ.

Gó một thời mà Tây sơn đánh Bắc Hà, đánh xong trở về Trung, cái thời ấy hẳn là có dân đi theo, không phải bị bắt buộc mà vì tại lưu vực Hồng Hà đã bắt đầu chịu nạn nhân mãi, và bọn đi theo Nguyễn Huệ chắc không được chứa chấp ở miền Trung và cũng bị tổng cổ vào Nam hết mà không ai hay biết, vì miền Trung cũng không có dư đất để chứa khách.

Nếu không hiểu như vậy thì khó lòng mà cắt nghĩa tại sao giọng Nam lại không giống giọng Trung, mặc dầu những kẻ đi đầu là người miền Trung.

Và còn một thời nữa là thời thống nhất, sau Gia Long, thời ấy thì đi đứng tự do và chắc chắn có người miền Bắc đi Nam mà cũng không ai hay biết vì không còn là những cuộc di cư ồ ạt nữa, nhưng những giọt nước nhỏ cứ nhiều xuống hoài thì có ngày cũng đầy bát.

Miền Bắc đã bắt đầu dư người thiếu đất mà miền Nam lại được dồn dãi là dư đất thiếu người, mà lại là đất tốt nữa thì làm thế nào mà ông Cống Chính chỉ rời đất Bắc một mình, như sử đã chép. Ông công ấy đã phải quá giang thuyền buôn, mà hề có thuyền buôn là có di dân đi theo, và ở lại rồi bị hoặc được cho vào Nam, nhưng sử bỏ cả mọi chi tiết thành thử là chỉ thấy có một người độc nhất đi vào với Tây Sơn là ông Cống Chính.

Những người miền Bắc bị bắt vì tôn giáo, hẳn cũng phải chạy trốn vào Nam, bằng không thì họ biến đi đâu mà chỉ thấy leo heo vài chục người bị hành quyết?

Chắc hẳn là phải có cái gì mà ta không được biết bởi không còn dấu vết nào cả, trừ danh từ và giọng nói. Theo tự điển Huỳnh Tịnh Của, người miền Nam, soạn sách tại miền Nam thì thuộc ấy Nam Kỳ gọi mẹ là Ang Na rõ ràng là gọi theo Bắc mà ngày nay ngoài ấy còn gọi mẹ là Nạ (Dị Nạ thì má đã sùng).

Ký Sau: Một biến cố lớn: SAIGON RA ĐỜI

Trung là người độc nhất có đồng hồ, nhưng lại

ví, nhìn xuống, ngược lên lúc đầu:

— Hơn rồi, hơn 10 phút rồi.

— Chạy chuyển 6 giờ đã chạy mất cốp gì.

— Chuyển đó chạy đi chuyển khác, thiếu gì xe.

— Nhưng mua vé rồi mà.

— Biết sao hơn bây giờ.

Những chuyến xe cao lớn dừng đằng nổi nhau quá ngả tư, một số xuôi xuống màn dưới một số quật lại hướng lên ngả trên. Xe tải chở hàng đường dài, xe đồ, xe chạy không kịp chiều ghé ngủ lại từ hôm trước và xe từ bên này chờ khách đi. Những tiếng máy triển miến nổi bình vào nhau âm âm thoát tới.

— Mua vé xe gì vậy?

— Xe lớn, xe lớn ngồi rộng rãi hơn.

— Không, hỏi mua vé xe hãng nào kia.

— Xe TP.

— Ở kia, phải xe TP đó không anh?

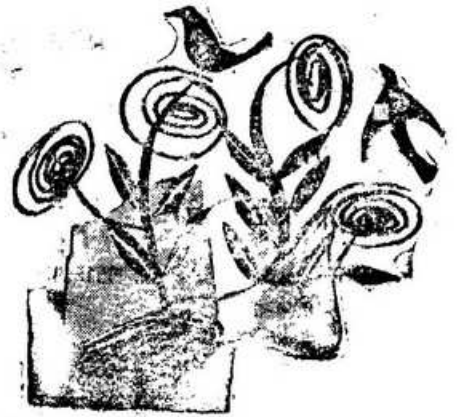
— Có lẽ đó rồi, ở đúng rồi. TP kia.

Mấy chiếc bóng màu xanh đục trên trần sáng soi xuống hàng tên hiệu viết lớn nét dấu mũi xe. Chiếc xe dài lớn tiến gần lại. Cánh tay đưa vẫy và xe chạy bớt tốc lực, qua ngả tư, ghé vào đỗ lại. Cửa sau xe rộng trống, dáng người lơ xe đứng rêu gọi gì đó, vợ chồng Trung chuyển hành lý lên. Đồ lẩn khấn đứng lại, nắm chặt bàn tay tôi thêm chút nữa rồi cũng lên theo. Rất nhanh, cánh cửa khép lại. Tôi như tại không kịp cảm nhận được gì nữa, chiếc xe đã vội và lao thoát đi. Những ánh điện quanh trần xe lấp lánh xa nhanh về cuối phố. Chuông vẫn còn. Rồi g rã ngân nga. Không buồn không vui, tôi đứng lại đó, bên vệ đường không cây mắt trông theo những ánh đèn và lòng bằng khuỷu chặt se chúng lại. Nỗi buồn đầu sâu chợt trở mình thức dậy, vươn lên lan trải ra mênh mang với buổi sáng sắp ló dạng, một ngày sắp tới, bao nhiêu ngày hôm sau tôi một mình trong phố này. Em về rồi em lên mà, có nhớ anh cũng đừng xuống dưới đó làm gì, ồn ào vô vị lắm, em sẽ lên mà, có lẽ trong ngày giáng sinh sắp tới, có lẽ còn trước nữa. Lời hứa hò như của một người đã thuộc về những đời khác nhưng vẫn còn nuôi ước nơi này, một người đàn bà ngoại tình, một người con gái đầy lòng vui say. Lời hẹn từ nỗi vui say bất ngất đó, Tôi biết. Biết và không còn gì hơn là đợi chờ. Em về, thế nào rồi cũng lên. Đã đành thế, thế nào rồi cũng lên, tôi biết, nhưng tôi còn biết tìm kiếm gì trong phố này khi trời sáng, trong ngày hôm nay?

Xe xa về cuối phố và tôi thân thờ, một mình, đi ngược lên đầu phố. Áo khoác trùm kín tránh g', nỗi buồn dật tôi đi, điều thuốc chỉy, quên trên môi, chân chậm chậm bước và lòng lưu luyến thành thang. Đi, tôi sẽ nhìn nha sang vùng phố bên kia cầu trắng, vào quán cà phê ở bên xe uống một tách để ngồi đợi đồng giờ đến nơi làm việc luôn. Mờ mờ, tôi dự định thế. Tôi men theo lề đường đi tới, đi tới. Và thay vì qua một ngả tư đã sang vùng phố kia, tôi lại quật lui, trở về quãng đường cũ, lên dốc cũ. Như một kẻ ngẩn. Nỗi buồn dật tôi đi và nỗi nhớ nhung dật tôi trở về.

Lên dốc cũ, vào ngõ cũ. Cánh cửa cũ đã khóa kín. Tôi có chùm chìa khóa Đổ vừa góp dính thêm hai chiếc trong túi áo. Nhớ thế, nhưng chẳng biết sao nữa, tôi vẫn đưa tay gõ. Gõ, nghe tiếng gõ lướt ngón tay mình và sừng lại, biết không còn ai mở, biết 3 cánh hoa màu đỏ và hai ngọn lá xanh vẫn còn với đĩa cơm thừn bên trong, những ghế ngồi chưa người nhai hơi ấm, những chăn chiếu còn đầm đìa hương đêm. Đổ, em hình dung ra được gì không? Đây là căn nhà vui nhất trong cái thị trấn di cư này, nơi tôi tình cờ ghé đến giữa thời lem lức, nơi em đã ghé ở, đã bỏ đi và hẹn sẽ trở về. Em hình dung ra được gì không?

Bên cánh cửa khép đó, không gõ nữa, tôi thu tay dặt thêm một điều thuốc mới. Que diêm cháy bùng âm khét giữa bàn tay. Tôi mặc áo quần trận, một sáng mai trong những năm ngoài hai mươi tuổi. Và sau tôi, gần 6 giờ 30, đêm mùa đông ở miền núi vẫn còn chưa qua.



Tiếp theo trang 7

trên dòng sông nước xoáy, đôi khi, đôi khi... em ở khắp cùng không gian này. Anh nhăm mắt, anh ngủ say, vẫn có em. Em không còn là em nữa, mà là một linh hồn đưa anh vào nỗi thanh thần tuyệt vời, dù anh vào cơn mê bất tận. Cứ vậy mà ngày tiếp ngày, anh cười vui, anh khóc thim, anh ước — mơ, anh lo sợ anh ray rứt. Cứ thế mà trong cuộc sống chông chênh bên vực thẳm, du giầy trên độ cao khiếp đảm, anh còn mong muốn gì hơn ngoài sự trở về nguyên vẹn hình hài.

O ơi, khẩu M.16 trên tay đã thấy nặng, quên bao nguy trạng đã làm anh lạ dạng người, khổ lắm em.

Bây giờ là đêm, đã mấy ngàn đêm như thế đã qua, thức để ngấu nghiêng xót xa riêng, nhưng sao từ ngày yêu O. đến giờ, nỗi xót xa nó khác lạ hơn, xót xa đến tận hồn trong êm đêm tha thiết bây giờ không còn những tem chong mắt nghĩ vẩn vơ, hay hận thù chất ngất, quay quắt điên mê. Nỗi xót xa thấm rưng rưng sợ hãi, nên chỉ còn biết tưởng nhớ về em như một an ủi để xoa dịu khôn khổ trên vai, đau đớn trong lòng. Chong mắt để vạch một tương lai nghèo kém nhưng nồng nàn hạnh phúc. Anh có mơ ước gì quá lớn xa vời đâu em. Anh chỉ nhìn trong tâm tay mình rồi tự nhủ nghĩ về ra trong đầu một mái nhà có em và đàn con nhỏ đại khờ.

Anh có muốn là n lính đầu em, nhưng làm sao hơn được hoàn cảnh đã an bày. O. ơi, anh yêu em. Thử tình yêu tuyệt đối không làm sao giải nghĩa được. Tự nơi anh cảm đoán anh, khác khe với anh, nhìn anh trong gương mà cơn mây trợn mặt. Di vãng với anh không còn là những ngày sáng nhớ. Nó đã mất đi khi em hiện đến trong đời anh rực rỡ như mặt trời, hình bóng dịu dàng, ruột thịt, mến yêu làm sao mà quên cho được. Hình như khi nói về em, nghĩ đến em, anh có thể quên hết những phiền lụy vây quanh. Cầu xin ơn trên phủ hộ cho chúng mình Cửu nguyên với anh như thế mãi từng đêm nghe O..

Căn cứ Biên Phòng Bình — Thành — Thôn ngày... tháng... năm... Không ngờ được, không bao giờ ngờ được, tôi đến đây, tôi ở đây như một sự bất chợt đến vô lý. Không bao giờ ngờ được tôi có thể chịu đựng nỗi khó khăn trong đời mình — trong đời làm lính — cho đến hôm nay. Sao tôi không là cục đất, sao tôi không là cây cỏ, sao tôi không là loài thú?

Bình yên nhìn nhĩa số phận, thần nhiên nhìn tốc bạc râu xanh. Ôi, tôi đã xây kín bên mình một gương thành kiên cố, để giữa bóng tối đời mình nghe nỗi chua xót riêng. Một phút giây nào đó bất ngờ quay lại nhìn đoạn đường đã đi qua thật xa, những hình ảnh trùng trùng hư ảo, những thân thích bạn bè, những đám mây tình tự, những cảm dỗ sa ngã, những ruột thịt mến yêu... tất cả có người đã nằm xuống, có người biệt tăm, có người gặp nhau quên lời chào hỏi, rồi cũng chẳng còn gì hơn những vết thương từ nam lòng, U Minh Hạ, những huy chương giết người và người vợ chờ vàng vò mất đêm... O. ơi, em hiểu cho anh, mình biết cho anh, chính trong lòng anh ngọn lửa chực chờ cháy, một quả mìn chực chờ nổ, một cơn bão chực chờ phát động... Em có buồn phận dập tắt ngọn

(Xem tiếp trang 16)

Khách-Sạn HOÀN-MỸ MAJESTIC

SỐ 1 TỰ DO

SAIGON

ĐT.: 91.375, 91.376, 23.711 (3 giây liên)

★ KHÁCH SẠN:

Gồm 126 phòng với đầy đủ tiện nghi: Máy lạnh hoàn toàn đời mới, nước nóng, điện thoại, phòng vệ sinh riêng, từng phòng và 5 thang máy:

○ CÂU LẠC BỘ:

(Nơi trang nhã để các Hiệp Hội, Đoàn Thể và quý vị Công Ky Thương Gia tổ chức những buổi họp, tiếp tân, tiệc cưới, tiệc gia đình v.v...)

★ VƯỜN:

Hội Trường Quốc Tế (đủ chỗ cho 300 Hội Thảo Viên) gồm 4 hệ thống Phấn Dịch.

Phòng ăn-Phượng Hoàng (đủ chỗ cho 250 thực khách).

(Tất cả đều được trang bị tối tân).

Đặc Biệt phòng ăn Versailles giá rẻ dành riêng cho Quân, Công, Tư Chức. Ngoài ra còn chỗ đậu xe rộng rãi và an toàn nhất Thủ Đô

TRẦN TRỌNG KÍNH MỜI

DONAFITEX

35, Phú Kiệt

SAIGON

TẤN-PHÁT C.Ty

Ấp Chi Hòa 1

GIÀ ĐỊNH

NGHĨA-LỢI

THƯƠNG GIA

8, Võ Tánh Phú Nhuận

GIÀ ĐỊNH

PHAN-CAO-THAI

THƯƠNG GIA

76, Ngô Đức Kế

SAIGON

Tạp Chí và Tủ Sách KHAI PHÁ đã phát hành:

Loài cây nhớ gió

Thơ Lâm Chương

Thơ Kinh Tự

Biên Luận Ngô Nguyễn Nghiễm

Nam Hoa

Thơ Nguyễn Thành Xuân

KHAI PHÁ số 4: Hiện Trạng Vong Thân của

Người Cầm Bát.

HÀNG GẠCH BÔNG ÉP BẰNG MÁY ĐIỆN

THANH-DANH C.TY

242, Công Quỳnh SAIGON

D.T. 22.906

Ets TRAN-DUY-AN

G.D. NGUYỄN-THỊ-KHOA

87-89, Cao Thắng

SAIGON

43-47, Yên Bái

ĐÀ NẴNG

HỒNG-SẬP-SÁM

SẢN XUẤT DÉP

Ấp Phú Trung 1 Phú Thọ Hòa

GIÀ ĐỊNH

chuyện đàn bà

(tiếp theo trang 2)

— Ông Lê Hồ cho rằng Hồ Xuân Hương là một nhân vật nam thi sĩ cho con gái vì sợ hổ danh. Cũng có lý lắm chứ. Tôi đau xót mà thấy cái đời con gái bị thiên hạ chơi xấu như thế. Cũng hơi oan ức. Mấy ông đồ thâm hiểm là tại vợ, làm bậy vì người yêu, vua Trạ mất nước vì đàn bà, đàn bà thế này, thế nọ...

Đã có lần tôi đem nhận xét của mình ra nói với bạn bè trang lứa và kết luận: "chính con gái đã làm cho người ta không phục mình, thì bị phản đối. Chúng nó chửi rằng: mấy chỉ là con nhỏ già đạo đức, quê một cục, chỉ ru rú ở nhà dạy đạo tứ đức tam tòng. Tại sao không đi chơi ra đời cho biết mặt thiên hạ. Tao cam đoan khi mấy đã sống, thì cũng chẳng hơn gì đâu. Tập yêu đời rồi sẽ biết." Có đứa lại hăng hái hơn: "mì không đọc báo thấy phụ nữ ngoại quốc thoát y biểu tình đòi bình quyền, đòi chấm dứt chiến tranh đó sao? Tôi tiêu ngu mà nghĩ rằng: đó là những trò của xứ người, một trò trong các trò rồi rãnh và tư bản khác. Còn phụ nữ Việt đây à, cứ đem những chữ mới, đẹp, tân, tiến, trí thức và bốn ngàn năm văn hiến ra mà khua lốc cộc buồn thảm.

— Ông thượng đế quá phân minh khi tạo ra loài người. Chắc hẳn là không ai thắc mắc: tại sao lại không tạo ra một loại người, để các phụ nữ thấp cổ bé họng, nhiều, "phụ tùng" bốn phận lật vạt khỏi phải vác biều ngữ đi đòi bình quyền.

Bình quyền sao được. Nếu chỉ có một giống người thì làm sao có cuộc sống và đâu có tôi ngồi đây để viết mấy dòng lăm nhăm này.

Tiếp theo trang 4

cười gằm sần) chiếc bụng ồ ồ và hình như đôi mắt của L. Ngẩn ngơ, đảo đảo. L. có học trò trường tư của chàng ngoài thị xã.

- Hôm rày, sao L. Không đi học?
- Chắc em nghĩ luôn quá thầy. Thầy bỏ anh M. Chết thiết hả thầy. Báu này, một tốp mấy anh sinh viên kéo xuống uống, cho hay.
- Tôi cũng mới nghe đây thôi
- Em... lẽ với anh rồi, chắc bà già em đánh chết quá thầy ơi.

L. khềnh thút thít như chuột nhút nhút lủi trong cỏ úa bên hong gấm. L. rồi chị H. rồi M. rồi ông Trung tá T. rồi tên lính thương (đã rời gấm từ lúc nào) đã xuất hiện bình thường mỗi ngày, giờ đây, tất cả đang lay lắt như đánh nhịp mạnh, loạn nào trong đầu chàng. Tất cả như toa rập, mưu toan bức bách chàng, chàng muốn sa liệt, oằn oại. Th. (si quan đồng khoa) bất ngờ, đột ngột vào quán, nào nhào:

- Ê, mi, giờ chót mới hay đôi chương trình học, sinh viên được nghỉ đi nghe ông đại đội trưởng đại đội C. trên an vụ sinh viên M. Ta chờ mi ra phố, đi không?

- Ủ, đi thì đi, mi lên cho nó mấy xe đi. Lúc cầm phần vạch đường trắng trên vách gỗ ép (chàng quen ghi thiếu, góp nhặt trả một lượt) Đạo nấn ná nhỏ giọng an ủi: L. biết sao bây giờ, gắng gượng lên, ai cũng phải thất thế, một lần hết, thầy giúp được gì cho em đâu. Đạo rồi găm, L. nấc nghẹn ồm ồm gục xuống bàn. Biết sao hơn đây L. Tôi đây, nào hơn được em gì đâu, với những năm sống lâu trước ồm đời dài ngoằn ồm theo cùng thác thềm trời đây.

T. thả chàng xuống phố loạn quân đi theo giòng người tiếp điệp chảy trôi, chảy nồn nả dục

năng quan, theo chờ trời mưa sấm, qua nường ọc thang dài lủ khủ bạn hàng cười nói, đơn đã, trả giá, rộn rờ, chí choét. Đạo đi để muốn được nhà nháp, để sống, vui hòa theo cùng với đám đông loanh quanh, xô bồ, chàng cố bắt lách những ngời ngời lòng thông, chàng héo, đi mãi mãi đến chiều muộn.

Đạo chợt nhớ chiếc pine của Trung tá T. và tư đứng muốn đến nhà thăm chị H. và nhân tiện lẩy bầy đã gọi chị đánh máy. Chàng thoát ra con lộ dốc xuống, kéo dài bãi đến các xóm rẫy dưới lưng xanh. Chị H. sống ở đó với người di già, ở góa. Cả hai, từ mỗi người ồm lẩy thế giới riêng tư, cách biệt với đời. Tách phân như có biên thủy chất ngắt ánh sáng: qua nhiều lần, lúc chuyển vận, chỉ thường nói lộ điều bất đồng, âm thầm nguyền rủa. Bà đi đi, ở mỗi ngày, mấy bận lủ ý, tùy thích, rồi nhau không báo hẹn mất cả chỉ thiết, ruột rà.

Đạo nhồi thuốc vào pipe của ông Trung tá T. châm lửa, kéo rít phi phà như đũa bé tần mần cùng cuộc chơi riêng. Nhà chị H. hụp dưới lể thấp, mái ngói nâu lủ lủ ngang mặt lộ, đọng một vệt ồm sừu trong vòm lá rậm tựa như nắp chiếc hòm hăng cao trong cuộc lẩy cốt miền đất lỏ.

Gió phả khói cay sè, nước mắt sống thấm ướt nhoe nhoét. Chàng theo nất thang đá (có mọc lủ lủ ở các kẹt đất, héo úa dần dưới sự giấm chà của gót giày ngày tháng). Cửa khép gài như nhà không người, vắng lặng. Chàng bước đến chái ngoài xem, chị hay bà đi của chị có đứng làm bếp, hoặc giặc đồ, hoặc tía hoa trên bệ đá sát tường. Vẫn không người. Không một ai tới lui, nhai như hoang trống và tẻ ngắt: Một mối, Đạo ngồi nấn ngoài bờ cửa đóng, nấn chờ, nấn đợi. Buổi chiều thật vu vơ, lẩn ngẩn (chiều nào cũng qua trời. Ngẩn ấy vơ vẩn).

Một xa, sớ của chàng (của chị H.) kéo dài một dãy tượng có lúc vì trải dưới những vòm mây xa lung linh (mây chuyển mình hay chính dãy sớ

ương nứcn ương) nên nét toa tàu oan cầu: vào nạng hăm. Đạo nghe những tiếng lịch lịch trong phòng, như tiếng chuột cào cào vách ván Đạo nhìn hé qua khe hở trước sớ:

- Trời, hình như ông Trung tá T. và chị H. đúng rồi, họ, họ đang ồm nhau chấp choạng trong khoảng tối lỏ mờ.

Đạo sớ động, nhón chân bước thoăn thoắt lên mặt lỏ cao lủ đầu. Chàng nhanh nhẩu về hướng ngã tư và chiếc xe Jeep của ông Trung tá T. đậu nép bên lể trước quán ăn chén rền (một giả vờ che phủ). Theo dốc xuống, chàng, mọi lúc như muốn lẩn kèn như chiếc thùng phầy rỗng tuột miên miết cuốn. Bất giác chàng dừng khựng như cây khô sứt đứng bên hiên núi đá. Chèo leo Chàng quên chiếc pipe (của ông trung tá T.) còn ngún cháy trước cửa nhà chị H.

Làm sao đây. Làm sao đây. Đạo. Đạo. Thật tình, bây giờ, chàng nào khác khác thông mực rơi vắt tòn teng trên những sợi điện giăng quảng. Chờ sa rớt, thấm thương.

SAU CÁI CHẾT CỦA...

tiếp theo trang 14

lửa, đóng chốt an toàn, chặn ngăn cơn bão nổi. Em đủ sức không em? Không thuốc súng đã che khuất, đã lấp xóa hạnh phúc của chúng mình. Anh phải làm gì đây hả O. ? Anh phải làm gì cho em tin hả O. ? Hay anh chết đi, để chứng cho em hiểu lòng anh ? Tôi đứng đây chờ ngày tháng đi qua ? Tôi vấp vụng trong vũng bùn lầy để càng giờ càng chìm sâu ngộp thở.

Ngày... tháng... năm...

Những buổi sáng âm thầm, buổi sáng nào tôi cũng dậy muộn. Tôi muốn ngủ mê hoài cho ngày tháng chầm qua, cho những cuộc hành quân không bao giờ đến. Tôi không như những, không biếng lười, nhưng tôi chỉ đòi hỏi một sự công bằng, và cho tôi thấy cái kết quả của những năm tháng hy sinh cả tuổi trẻ này bằng những minh chứng thật thực, không nguy tạo, giả trá, lọc lừa. Cái kết quả không phải là những thân ma gói trong poncho chovy về Quán y viên. Không phải là từng đoàn thương phế binh xuống đường, đã đảo, hoan hô, không phải là vành khăn tang cho những người góa phụ, không phải là đám trẻ con nheo nhóc không cha. Cái kết quả của sự hy sinh của chúng tôi cũng không phải là đám người ăn trên ngồi trước, không phải là những cuộc bầu bán của trò mồi vờ sơn đông, không phải là tiệc tùng ở Saigon hay hội hè nơi quốc ngoại, cũng không là lời khuyến dụ để tiếp tục làm kiếp trâu cày.

Nhưng mà thôi, mỗi lần nhớ đến là mỗi lần hình dung trước mặt, sau lưng, chung quanh những bất trắc hăm dọa. Đoạn đường nào, trong cuộc đời này được bình yên đâu ? Chỉ còn lại tôi tình yêu. Nhưng tình yêu với cách xa, với khoảng trời với với chờ nhau hút mắt, biệt tâm.

4.

Anh, vì trong nỗi chờ đợi đến mỗi mối đó, một lần anh về em tưởng như một phép lạ, vì không hy vọng gì mình sẽ được may mắn, sung sướng như vậy, cho nên một lần anh về với em, em tưởng đó là một sự mẫu nhiệm không ngờ, như sự hồi sinh của người chết. Hiếm hoi như vậy đó, quý giá như vậy đó, nên mỗi lần gặp nhau, em coi như là một may mắn không cùng, một ban bố một ân huệ trời cho.

Bây giờ thì hết rồi. Không còn anh để trách hỏi yêu cầu, không còn anh để dọa nung, ghen giận... Những tờ thư của anh còn đây, gói thuốc của anh còn đó, quần áo và thư tình, lược gương và chân chiếu, trời ơi xin hãy đợi em theo, dù nơi đó là địa ngục hay thiên đường, dù nơi đó hòa bình hay chinh chiến, Anh ơi !

(Viết theo chuyện kể, thư và nhật ký của H và O.)

SAU BÀI VIẾT VỀ NGUYỄN VỸ

K.H. sẽ trước, tôi có viết một bài về Ông Nguyễn Vỹ. Trong đó, theo tin một người bạn, tôi viết về những giờ đầu của cái tin vinh biệt, nên Phủ QVK Đặc Trách Văn Hóa, đứng ra lo ma chay - trong những giờ đầu đó - cho người quá cố. Nay phối kiểm, tin đó hoàn toàn sai. Bà Nguyễn Vỹ đã từ Đà Lạt kịp thời xuống Saigon để đảm đang việc này. Vay xin cáo lỗi cùng bà Nguyễn Vỹ và tang quyến.

V. L.

HÀNG-KHÔNG VIỆT-NAM

AIR VIET NAM

MANILA

BANGKOK

PHNOMPENH

KUALA LUMPUR

VIENTIANE

SINGAPORE

OSAKA

TAIPEI

HONGKONG

TOKYO

PHI CƠ TỐI TÂN

BOEING 727

20 NĂM PHỤC-VU TẠI Á-CHÂU

Trạm vé Quốc Tế 116 Nguyễn-Huê Saigon

90370 - 71 - 72 - 73

92118, 91624, 25, 26

Ấn Lễ/Điện : ĐƯƠNG VĂN XUYỀN